



PHẠM THỊ HOÀI

chuyện lão tượng phật Di Lặc
và nàng Nậm Mây



VĂN NGHỆ

CHUYỆN LÃO TƯỢNG PHẬT DI LẶC VÀ NÀNG NẬM MÂY

Phạm Thị Hoài



Paris * 05.2025

Bìa : *Khánh Trường*
Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*

**CHUYỆN LÃO TƯỢNG
PHẬT DI LẶC
VÀ NÀNG NẬM MÂY**

PHẠM THỊ HOÀI

VĂN NGHỆ
California * 1999

*Tặng Đan Daniel,
để bù một chuyến đông du bị hoãn.*

Tác giả trân trọng cảm ơn

Ông Đào Trọng Khánh

ở Hà nội

và Quỹ Phát triển Văn học

Thanh Thiếu niên

Stiftung Preussische Seehandlung

ở Berlin.

MỤC LỤC

Mở đầu	13
1. Ở nhà tay buôn đồ cổ	15
2. “Nghệ nhân”	30
3. Tên trộm	42
4. Một chương ngắn ngủi ở chùa	53
5. Phúc và họa viện bảo tàng	56
6. Ông tri kỷ	68

7. Một năm hạnh phúc	79
8. Một thân xác xa lạ, một tâm hồn xa lạ	89
9. Bí mật của chữ “Trương”	101
10. Ra đi	111
11. Phương Tây	124
12. Đoạn kết bỏ ngỏ	137

MỞ ĐẦU

Tôi là một lão tượng Phật Di Lặc bằng gỗ ba trăm ba mươi tám tuổi. Tôi vốn ít nói. Trong Phật giới, lặng lẽ chiếu tướng bức tường chín năm thì nổi danh, chứ nói chín phút cũng là tràn cung trăng, chẳng ai cho là tài giỏi. Quan Âm may ra còn có khiếu nói, chứ tôi Di Lặc chỉ có khiếu cười. Vả lại, khi đã ba trăm ba mươi tám tuổi đời, suýt bằng nửa ông Bành Tổ, thì người ta tiết kiệm lời, đâu phải cái máy phát thanh mới toanh mà tiêu lem cả vào vốn từ vựng.

Lẽ ra như vậy.

Nhưng bây giờ tôi phải kể một câu chuyện, phải mở đầu ở chỗ bắt đầu và kết thúc ở chỗ chấm dứt, phải thuật lại từng chi tiết, thỉnh thoảng phải bình luận cho ngô rang ra ngô rang, khoai lang ra khoai lang. Chỉ vì nàng, nàng Nậm Mây... Để nhờ bạn đọc xa gần mách giùm một chút tung tích...

1

Ở NHÀ TAY BUÔN ĐỒ CỔ

Thuở đó tôi cùng đám chúng sinh, mở ngoặc giải thích là gồm độc bình, lư hương, chân đèn, ống nhổ, kiểng đeo cổ, vũ nữ Chàm, lư hương, ấm chén, bát đĩa..., đóng ngoặc, ở nhà một tay buôn đồ cổ. Hẳn sùng bái tôi lắm, nhưng tôi biết tổng, tấm lòng của một kẻ vô đạo dày bao nhiêu phen. Hẳn chẳng dám phỉ tôi bằng phất trần vì sợ tôi bong gân, nên đích thân hút bụi bằng cái miệng sặc mùi thuốc Lào, thịt chó, bia

hơi, và rượu đế. Chuyện tôi lưu lạc đến đây thế nào dài dòng xin miễn kể, tay buôn đồ cổ chỉ biết tôi là vật quý, hẳn gọi là món “cổ ngoạn”, tuổi ước chừng như tượng gỗ chùa Tây Phương. Là hai trăm năm chục năm có lẻ. Nhưng tôi thì bé, mùa hè giãn xương cốt hết cỡ mới vừa một thước ta, còn đồng nghiệp tôi ở Tây Phương kia thì mùa đông co rúm lại cũng hơn đứt một thước tây. Điều này khiến tay buôn đồ cổ băn khoăn lắm. Lại thêm một chữ “TRƯỜNG” khắc vồn vện dưới đáy, chả thấy đề ngày tháng. Cho nên tùy lượng rượu trong trí tưởng tượng của hắn và tùy khách cáo già hay gà non mà tôi được tráo căn cước như điệp viên. Tiểu sử của tôi càng mù mịt hơi men thì cái giá của tôi xem ra càng leo vô tội vạ. Gần đây nhất hắn kính cần đặt tôi lên bàn cân rồi tuyên bố, 3,30251 kilô gỗ nơi tôi là 3,30251 kí lô vàng. Chà, nếu biết sự

thật về cái bí mật của chữ “TRƯỜNG”, hẳn phải lập tức đòi kim cương đổi gổ!

Tay buôn đồ cổ cho tôi một mình ngồi trong tủ kính khóa trái, đám còn lại phải chen chúc bên ngoài. Thế là ưu tiên cho tôi, tuy cô đơn, nhưng không bị loại khách tầm thường quấy nhiễu, và đỡ vướng bụi trần. Ba trăm ba mươi tám năm qua quả thật tôi đã lăn lộn khá khá với thế gian, nếu không giữ mình thì đường lên Niết Bàn kể như đi tong đấy ạ! Khi người ta đáng tám mươi ba lượng thì người ta được quyền cao thượng, chứ ôi thôi cái đám Bát Tràng giả cổ thì ngập trong bể khổ!

Thế rồi nàng xuất hiện. Một nàng Nậm Mây! Tôi bấm đốt ngón tay tính ra ngay nàng tuổi rồng, Canh Thìn, Mạc Diên Thành năm thứ ba, 1580. Đàn bà đứng chữ Canh, lại tuổi con rồng, được

trời nới tay bao nhiêu thì bị người trói vào bấy nhiêu. Tôi tuổi con chó, đứng chữ Mậu, Lê Vĩnh Thọ năm thứ nhất, 1658. Dân gian bảo Canh ra cô, Mậu ra quả. Tôi thì Tuất, nàng thì Thìn, bên Địa Vĩng, bên Thiên La, số phận sao mà khéo vẽ!

Đầu tiên là chú Phổng Đá đuồn đuồn mặt ra ngưỡng mộ. Tôi lấy phong độ bình tĩnh bên ngoài, nhưng bên trong thầm thở dài trước sắc đẹp bốn trăm mười sáu tuổi kia đương vào độ chín. Một nước da trắng mịn, thứ màu ngà dịu dàng, điểm những nếp nhăn lăn tăn của thời gian và đây đó một hai nốt ruồi mê hồn mờ ảo, quyết không phải màu trắng hếu của đám sứ mới ở phố Hàm Long, bóng lộn như vừa ra khỏi tiệm căng da se lông mặt. Áo nàng là dăm cụm mây lam dịu dặt, vờn ý tứ chứ không xoắn xuýt tí mù

điển tích như xiêm y nhiều nàng nậm Tàu đời Thanh. Theo dân gian thì Di Lặc tôi là Phật “nhịn mặc để ăn”, khác với Tuyết Sơn bạn tôi “nhịn ăn để mặc”: tôi không chuộng áo xống cầu kỳ. Rồi một dáng vẻ mê ly với chiếc eo cực hài hòa và chiếc cổ cao ba ngón. Xin thú thực, trước nàng trái tim bằng gỗ của tôi tuy không bốc cháy nhưng đã nóng lên một phần tư độ Celsius.

Gã Chân Đèn trẻ tuổi, mở ngoặc là ba tháng nữa gã mới tròn sáu mươi, đóng ngoặc, bản tính bộp chộp nóng nảy, lập tức vươn dài cái cổ là nguyên một con rồng uốn khúc, định rượt theo nàng. Anh chàng Lữ Hương đạo mạo hơn thì thở hắt ra một luồng khói thơm còn sót lại từ đầu thế kỉ. Bác Sập Gụ, con người bằng phẳng khô ráo là thế, bỗng oằn lên một cái và đổ hai giọt mồ hôi trộm. Cậu

nhóc Đĩnh Đồng non choẹt thì mặt mũi chuyển sang xanh rờn.

Đây là nói về cánh đàn ông. Còn cánh đàn bà, ôi chao, cánh đàn bà! Di Lặc tôi đến đây bỗng thấy lời Phật dạy là chí phải: đàn bà khó mà đoàn kết! Đầu tiên là mẹ Mâm Bồng cho một cái nguyệt chóng cả mặt, một cái nguyệt ba trăm sáu mươi độ không sến độ nào. Rồi đến lượt cô đào Vũ Nữ Chàm, đương kim hoa hậu. Cô này đang bận cong tay và giơ chân, là công việc đòi hỏi tập trung tinh thần, nhưng cũng liếc vội đối thủ mới, nên suýt ngã. Ả Ống Điều Bịt Bạc vốn cho rằng thân hình người mẫu mỏng manh và cao vút của mình là cực mốt, trước vẻ đẹp quý phái của nàng Nậm Mây bỗng lên hết gân cốt vì lúng túng. Bà góa ống Nhỏ, có chồng là Ông Bình Vôi đã vỡ, thì cố tình ho sù sụ, ra cái điều ta đây già rồi

không chấp. Đám thiếu nữ choai choai Bát Da Lươn thì tròn xoe mắt. Chúng thấy nàng Nậm Mây đẹp không chê vào đâu được, nên đồng thanh loe những cái mồm sứt ra chê bai. Rồi bọn gái mới nòi tân thời Âm Bát Tràng, ưỡn ngực, chun vôi, còn gọi là mũi, như sẵn sàng cho bà chị quý tộc một bài học thế nào là thời đại chúng.

Ôi buồn xiết bao! Buồn xiết bao mà Di Lặc tôi vẫn phải giữ mãi nụ cười! Còn nàng Nậm Mây, phúc cho nàng là chưa hết hôn mê, bao nhiêu thói xấu của người đời lại trả về cho người đời, nàng đâu có biết! Mấy hôm trước, tôi nghe tay buôn đồ cổ thậm thụt bàn với cánh đàn em về vụ chiếc tàu châu ấn của người Nhật đắm ngoài Quảng Ninh, không ai biết chính xác từ bao giờ, nhưng dứt điểm là trên dưới bốn trăm năm, dân chài giữ

êm chưa báo chính quyền. Ái chà chà, phen này thì gồm Giao Chỉ lại về Giao Chỉ! Giới nhà nghề khắp nơi như ngói trên lửa. Tay buôn đồ cổ biến đi đâu hai tuần.

Bây giờ thì hẳn đang ngẩn con chuồn chuồn. Hẳn thường nâng niu tôi, nhưng so với cách hẳn âu yếm si mê nàng tiên mây, thì tôi đã thất sủng là cái chắc! Hẳn rờ rẫm trên làn da ngà ngọc. Hẳn hôn chiếc cổ cao. Hẳn chụp ảnh nàng hết mấy cuộn phim. Hẳn lau nàng bằng mắt, vì dùng khăn e mây áo nàng sẽ tan mà bay về trời mất. Hẳn ngồi lịm hàng tiếng đồng hồ chiêm ngưỡng. Đến nỗi tôi phải tự hỏi, không biết đây là tình yêu của thằng lái buôn, hay nỗi sân si đặc trưng của mấy tay nghiền, hay lòng sùng kính cái đẹp rất chi là con người, rất chỉ là thuần khiết?

Nhưng phúc cho nàng Nậm Mây, cả sự sùng ái quá thể này nàng cũng không hay biết. Nàng vẫn lâng lâng trong cõi vô tận của đại dương xanh biếc. Sóng ba trăm chín mươi chín năm, như sau này tôi được biết, vẫn vỗ về. Cá vẫn ru hoài, tảo mãi vuốt ve, và muối mặn ướp nàng vào hôn mê thăm thẳm.

Nhiều ngày, sau rất nhiều ngày nàng Nậm Mây mới dần dần tỉnh hẳn. Nhưng bất cứ lúc nào, hễ quá xúc động là nàng lại ngất đi như thường. Những người đẹp như nàng, lại quá nhạy cảm, quá mỏng manh, thực ra chỉ có cách ngất đi là an toàn nhất.

Chỗ của nàng là ngay cạnh tôi, trong tủ kính. Tay buôn đồ cổ đặt thêm bên ngoài một chiếc khóa to tổ bố và một gã chó béc-giê hung tợn lắm lì. Thế là hai chúng tôi ngồi trong nhà tù, ở hoàn cảnh

ấy người ta kết bạn với nhau nhanh và bền lắm. Tôi chỉ dám dùng chữ “tình bạn”. Mặc dù, xin thú thực, không hiếm những giây phút Di Lặc tôi chỉ muốn quên phắt rằng mình đường đường là một đấng Phật, một bậc chân tu đã qua bao nhiêu nẻo đường mê và đã đặt chân vào cõi ngộ. Đây là những giây phút 3,30251 kí lô gô nơi tôi muốn hóa thịt xương. Có là vàng hay kim cương cũng không bằng làm một trái tim bình thường được quyền xúc động.

Nhưng càng gần nàng, càng hiểu nàng, cái tình cảm có thể là trên “tình bạn” một chút xíu của tôi càng đậm thắm mà thêm phần trong trẻo. Suốt thời gian ở bên nhau, lúc bình yên cũng như lúc hiểm nghèo, tôi được biết nhiều về nàng hơn biết về những người anh em gần của tôi như Văn Thù, Phổ Hiền, hay anh em

xa như Ngọc Hoàng, Đế Thiên Đế Thích. Những người vừa thức giấc hôn mê rất hay lẫn lộn, trí khôn đi đằng trí khôn, trí nhớ đi đằng trí nhớ, nhưng tôi phải nhận rằng nàng còn tỉnh táo hơn đứt lăm kẻ sức khỏe tốt và đầu óc bình thường.

Câu đầu tiên nàng thốt ra, tôi nghe mà nao lòng: “Ôi! Tôi đang ở đâu thế này?” Nàng tiên tội nghiệp, thế là nàng đã tỉnh! Tôi ôn tồn giải thích, rằng đây là nhà tù của một tay buôn đồ cổ, người ta đã vớt nàng từ dưới lòng biển cả, và số phận nàng, cũng như số phận tôi bây giờ, là chờ một ông khách bự, đem đi đâu còn chưa biết. Tóm lại là một số phận mù mịt, phải can đảm mà đón nhận, phải đứng trên mọi lẽ vui buồn thì tâm hồn mới được bình yên. Nghe xong, nàng chỉ trầm ngâm: “Ra vậy! Con xin cảm ơn nhà Phật!” Thật là một con người có

cốt cách, có giáo dục! Nàng gọi tôi đúng phước là “nhà Phật”, xưng “con” hản hoi, dù tôi thua nàng bảy mươi tám cái tuổi đời, chứ tuyệt không “anh anh em em” vô lối như lắm cô tân thời đi chùa để giải trí. Nàng lại cũng không như mấy bà mấy chị, động nghe chuyện không vừa ý là lẩn ra âm ỉ kêu trời. Thật chẳng có gì dễ chịu cho bằng được ở cạnh một người vừa đẹp xinh, mà lời ăn tiếng nói lại nhã nhặn đến thế! Sinh ra ở một thời giặc giã, mười bảy tuổi đầu đã lên đường tha phương, rồi ngủ luôn giấc ngủ xuýt soát bốn trăm năm dưới đáy đại dương, quả là người phi thường mới giữ được một tư chất như thế!

Nhưng không chỉ riêng tôi. Nàng Nậm Mây nhanh chóng được cảm tình của hầu hết mọi người. Với cánh đàn ông thì vấn đề là hãm bớt lòng ngưỡng

mộ quá lộ liễu và hơi nguy hiểm của họ. Người đời có thói không ăn được thì đập đổ như chơi. Họ đau khổ, họ thở dài, nhưng họ giận nàng tiên mây làm sao nổi! Hôm nay thì nàng bối rối hỏi ông Tiến Sĩ Giấy: “Thưa ông, nếu kẻ tiện nữ này không nhầm thì kia là anh Bia Hạ Mã phải không ạ?” Thế là anh Bia mừng rơn, vì nàng đọc ra tên anh bằng chữ Tàu trên ngực. Cụ Hoàn Phi Bách Niên Giai Lão và bác Trưởng Tăng Tiến Tài Lộc thấy vậy cùng vui vẻ giục nàng thử đọc những hàng chữ như rồng bay phượng múa trên người mình. Rồi cặp anh em song sinh Câu Đối Chữ Nôm cũng vào cuộc, chỗ này thì nàng Nậm Mây hơi mắc, nhưng cuối cùng cũng vượt qua thử thách. Đến lượt cậu oắt Ấp Phích Chữ Quốc Ngữ thì ông Tiến Sĩ Giấy phải tận tình đọc giúp, vì đây là thứ chữ nàng trông thì lạ hoắc, mà nghe thì quen. Không khí học thuật

thiên liêng trùm lên, và chúng tôi đều thấy mình thêm phần đáng giá. Người đàn bà này thật lạ. Tuổi thì vào hàng cụ, nhan sắc thì chín nở như một thiếu phụ, và tâm hồn là của một thiếu nữ mười bảy trắng trong!

Một hôm khác, nàng để ý thấy gã chó béc-giê ghếch chân, định tương một bãi vào mồm anh Hũ. Anh này mặt hơi bị rỗ, luôn đứng rụt rè ở một xó, cả đám còn lại cho là quê mùa xấu xí không buồn đếm xỉa. Nàng bèn báo động. Thế là cậu Mỗ thì gõ, anh Kiếm thì khua, ông Ba Mươi treo trên tường găm lên, những người khác thì đả kích. Gã chó cụp đuôi chạy mất. Anh Hũ cực kì cảm động, những nốt rỗ đỏ ửng trông đáng yêu hẳn lên. Đám đàn ông vừa làm việc nghĩa cũng rất hài lòng. Nhờ nàng, vì nàng mà họ được trở nên có học thức và hào hiệp,

quả là những đấng mày râu chân chính.

Cánh đàn bà thì dè dặt hơn. Trái tim họ là một thứ con lặc, tuy bóp bênh nhưng không phải cứ hứng lên là điểm giờ được. Sự dịu dàng khiêm tốn của nàng Nậm Mây đã có tác dụng phần nào, bằng chứng là cô vũ nữ Chàm đã thôi để phòng, lại tập trung vào cong tay giơ chân, và ả Ông Điều Bật Bạc cũng hết lên gân cứng nhắc. Nhưng phải đợi đến khi xảy ra một chuyện, ôi chao một chuyện đau lòng, thì đám chị em mới xúm vào thương yêu nàng tiên mây xấu số!

2

“NGHỆ NHÂN”

Tay buôn đồ cổ một hôm có khách lạ. Người này không nhìn ngó ngang dọc, không nhắc thứ này, sờ thứ kia như những khách thông thường mà chúng tôi đã nhẵn mặt. Y đến thẳng chỗ tủ kính, liếc tôi một cái lấy lệ, nhưng hai con mắt thì suốt tươi nàng Nạm Mây. Trước thái độ trần trụi này, con người tôn trọng lễ nghi là nàng phải cố gắng lắm mới giữ được bình tĩnh. Nàng khẽ tự nhủ: “Lạy Trời lạy Phật cho con qua

được cảnh này”. Trời đâu phải xe cứu hoả mà có mặt ngay, nhưng Di Lạc tôi là Phật, thấy vậy bèn tụng kinh hăng hái.

Xem ra, tên khách lạ là một ngoại lệ lớn. Tay buôn đồ cổ vốn không cho cả bọn đàn em sờ vào nàng tiên mây, bây giờ mở hai vòng khóa tủ, trao nàng vào tay khách. Tên này lôi ra một chiếc kính lúp. Nếu lúc trước hấn đường đột, thì lúc này hấn là kẻ tuyệt đối trơ trẽn lạnh lùng. Chúng tôi, người nào cũng từng bị sấm soi, không ít thì nhiều. Bảy ngàn năm trăm bốn mươi một bàn tay người đời đã sờ vào bụng tôi, may rằng nó cực vĩ đại, nên ngoài vài chỗ tróc sơn thì bụng vẫn còn là bụng chứ chưa thành tro bụi. Nhưng ngẫm lại mới thấy, so với cuộc khám nghiệm nàng Nậm Mây thì chúng tôi còn có thể coi rằng mình được đối xử tế nhị. Việc đầu tiên là tên khách lạ chống

ngược nòng lên, gí mũi vào con dấu “gin” dưới đáy. Hẩn đọc: “Diên Thành tam niên tại Canh Thìn tam nguyệt sinh đồ Đặng Huyền Thông tạo tác”, mở ngoặc tôi xin dịch là: “Do sinh đồ Đặng Huyền Thông làm vào tháng ba năm Canh Thìn tức Diên Thành năm thứ ba”, đóng ngoặc.

Tên khách hỏi tay chủ: “Ông có chắc con minh văn này không?” Tôi lại xin mở ngoặc, là giới đồ cổ rất sành từ chuyên môn, ai không sấm sẩn vài từ giắt lưng thì không nhập giới ấy được, đóng ngoặc. Tay chủ đáp: “Chắc thế quái nào được một trăm phần trăm! Nhưng tôi có mặt từ lúc vớt con nậm này dưới biển lên. Nếu rỏm thì rỏm từ đời cụ kỵ nhà ông ỉa cứt su, cũng quý chán!”

Giọng điệu hai tay anh chị này thô lậu ghê gớm, gọi tuốt thiên hạ bằng “con”, hẩn tôi cũng là một “con Di Lặc”. Tên

khách lại nói: “Xin thưa với ông là Đặng Huyền Thông toàn làm chân đèn thờ, có sách nào ghi cha ấy làm nậm, lại là nậm mây, chứ không từng trúc bát tiên rồng bay gì. Tôi nghi lắm.” Tay chủ đáp: “Thế mới là của độc! Tôi đặt ông làm hai con nữa, cả thật cả rơm tổng cộng là ba. Nếu trên đời nảy ra con thứ tư là ông chịu trách nhiệm!” Tên khách lắm bảm: “Để xem! Để xem! Hay là tôi cho phắt hai con kia dấu Khang Hy, đổ thẳng nào đào ra tung tích. Tôi ngán cái Đặng Huyền Thông của ông lắm!” Rồi hấn lại gí mũi vào con dấu “gin”.

Bây giờ thì mẹ Mâm Bồng giận dữ phồng lên, như một người mẹ thấy đời con gái mình sắp bị hại. Tuy theo niên đại mẹ chỉ đáng vào hàng chít chít của nàng Nậm Mây, nhưng mẹ là mâm, chứ đâu phải máy tính mà cần chính xác! Bà

Ông Nhỏ thì rỏ nước mắt sụt sịt. Ôi! Nếu người ta phải lâm nạn để được kẻ khác rủ lòng thương, thì nàng Nậm Mây hẳn là được thương nhiều lắm. Lòng thương biết đọng vào bao nhiêu đau, vì đây chỉ là đoạn mở đầu cho những tai họa mà tôi được chứng kiến tiếp theo, đến ngày lạc mất nàng, tịnh không một dấu vết...

Tên khách ra về thì nàng ngất. Trước mặt hẳn nàng quyết không để hẳn thấy đàn bà yếu đuối mà coi thường. Tôi lại ân cần tụng kinh để nàng thiếp đi một giấc trong lòng cảm thông của Phật. Nàng mê đi thật. Nàng không nghe đám ẩm Bát Tràng giả cổ tranh nhau nói. Ả Độc Ẩm tưởng chỉ riêng mình được rót chuyện, nhưng cô Song ẩm chẳng chịu nên sùi bọt mép cãi tay đôi. Chị Quần ẩm sồn sồn nói vuốt đuôi, bị mụ Ẩm Trà Tươi chặn họng. Điecc tai một hồi, rồi chúng tôi

cũng nghe thủng: đám ấy gọi tên khách lạ là “nghệ nhân”. Cứ theo lời chúng nắc nỏm khen, thì hẳn đích tôn con nhà nòi: cha ông cụ kỵ thủy tổ mấy chục đời găm ở Bát Tràng, bản thân hấn lặn lội chán ở nhà máy sứ Hải Dương, lại sang tận Meissen bên Đức thực tập, rồi về đi khắp trong Nam ngoài Bắc, không sót lò gốm nổi tiếng nào, gần đây sang Tàu, rồi về mở một lò riêng, một lò thôi, nhưng chơi hấn lò ếch cổ, cho ra toàn hạng “siêu cụ”. Khen chán, rồi chúng than thở, rằng mình thấp cổ bé họng, chỉ đáng bọn đàn em của đàn em của đàn em nghệ nhân mó tay, nên mòn mõi chốn này chẳng ai buồn ngó. Chứ nếu được đích thân nghệ nhân thương đến, thì một phát lên tiên! Gì chứ vào bảo tàng mỹ thuật quốc gia là cái chắc! Hoặc đi ngoại quốc, Ba Lê, Rô-m, Bá Linh, Luân Đôn, Nữu Ước, bét ra cũng Bình Nhưỡng, Mạc Tư Khoa...

Đám rằm đời đó thì rồi lên mơ đi Tây, chúng tôi còn lại đều nhìn nhau lo ngại. Đã mang cái nghiệp đồ cổ là chấp nhận nhiều tai hại: là sống đời trao tay, là vượt biên trái phép, là lý lịch bị đánh tráo, không khéo thì vướng vào trộm cướp bất lương, tưởng chắc chân trong ca-ta-lô rồi cũng “bay” như thường, và dễ lìa quê hương lắm! Nhưng xét cho cùng, kẻ nào trên thế gian này không bận nghiệp chướng? So với những đồng nghiệp Phật trẻ tuổi hàng chợ thì đời tôi không hẳn là tồi. Họ rơi một cái là toi, chẳng ai thương lâu hơn một phút. Ngẫm ra, điều duy nhất đáng sợ với cánh đồ cổ là sự hạ nhục. Có nhiều cách. Cách đáng nhất là bị cốp-pi. Người đời lạ lùng ghê! Bánh mì thích ăn loại nóng ròn mới ra lò, hoa hậu chọn những cô vừa nứt mắt, xe máy và com-piu-tơ càng đời sau càng đắt khách, nhưng đồ cổ thì già bao

nhieu cũng không vừa! Ham mới nói cũ, nhưng không có đồ cổ thật thì làm đồ cổ cóp-pi! Sao mà ngông cuồng! Sao mà ích kỷ! Bao nhiêu lễ nghĩa bày ra lại đi đàng lễ nghĩa, lũ chúng tôi có được phần nào đâu!

Vài tuần sau, “nghệ nhân” lại xuất hiện. Hắn đặt lên bàn một lúc hai nàng Nậm Mây! Cũng cổ cao, eo thon, cũng dằm cụm mây lam vờn nhẹ dưới làn da trắng ngà trắng ngọc. Như thể chị em sinh ba với nàng Nậm Mây thật. Còn xương hơi gầy, sót nhiều ô-xýt sắt, vì mỏ đất sét trắng ngon lành thời ấy bây giờ còn đâu, và quan trọng hàng đầu là nước men mới quá mà guồng làm ra lác, thì mắt người thường soi làm sao thủng! Mắt mấy ông bà lớn có ngoại tộ mạnh đeo cặp kính “Tốc hành phương đông” lại càng oái oăm: chân hay hư chắc là

quan trọng với hãng đấu giá Sotheby's, chứ ở đây chỉ con dấu rởm Khang Hy là đủ độ tin cậy.

Tên nghệ nhân hỏi: “Thế nào, ông có muốn tôi bán cho con kia nốt một phát Khang Hy không thì bảo!”

Tay buôn đồ cổ chưa kịp trả lời, thì bỗng huyền não: bác Đồng Hồ Quả Lắc Mạ Vàng tưởng đã chục năm an phận tham thiền đột nhiên rùng mình thánh thót, khiến anh chàng Lịch Vạn Niên Lục Giáp treo bên dưới tường thế giới lại làm cách mạng lịch, hoảng hốt rớt vào lòng ả nạ giòng Rường. Ả này từ lâu để ngỏ phòng không, chỉ chờ có thể để sập xuống, nghiêng đúng vào khúc đuôi nhặng nhố của gã chó béc-giê. Gã này rít lên thảm thê, húc loạn vào tủ kính. Tôi được chiếc bụng khổng lồ che chắn, nên bình an. Nhưng nàng, nàng Nậm Mây

nước Việt đời Mạc, do sinh đồ tài hoa Đặng Huyền Thông tạo tác, chứ không phải hai cô Khang Hy rởm ngoài kia, thì ngã. Nàng ngã vào bộ ngực có trái tim gỗ của tôi. Cuộc tiếp xúc ngắn ngủi này, tai nạn này, hạnh phúc này, để lại mãi trong tôi một tình cảm vô cùng âu yếm, và lưu lại nơi nàng một vết nứt. Một vết nứt 1,7583 phân nơi chiếc cổ thanh tân như một đường gân cực kỳ tinh vi quyến rũ. Nó khiến nàng càng thật, càng sinh động, càng độc nhất vô nhị hơn. Người đã đẹp thì nhãn mặt nghiêng rằng vẫn đẹp và bất chấp tí vết. Một nghìn cô Khang Hy rởm có tự rạch nát cổ cũng chẳng được vết nứt diệu kỳ kia. Cái Đẹp và cái Thật quả không thể chia lìa. Nhưng đấy là ý kiến bình tĩnh của tôi. Còn tay buôn đồ cổ xót của thì tâm trí đâu mà lồng Chân vào với Mỹ!

Hắn giận dữ đập chó, đuổi khách, tháo phắt chiếc quả lắc của bác Đồng Hồ ném qua cửa sổ, ôi chục năm tham thiên là thế, một giây xúc cảm cũng đi tong, đá ả Rương một cái vào mạng mỡ, khiến anh Lịch ở trong lại càng hoảng sợ, đếm rồi bồng bong: “Giáp Tí, ất Sửu, Bính Dần, Đinh Mão, Mậu Thìn, Kỷ Tỵ, Canh Ngọ, Cơm Nguyện...”, mãi không đủ thập can địa chỉ. Đám còn lại im re. Thằng bé Điều Cày nhát như cáy khế sồn ra quần một giọt chẳng thơm tho cho lắm. Quả thật trước khi có sự kiện vừa kể, tôi tự cho mình là trường đời vậy cũng không hình dung nổi, một vệt nứt 1,7583 phân ở cổ mỹ nhân có thể đảo lộn thiên hạ như thế nào.

Tôi xin kể nốt, rằng sau cơn hoảng hốt, cánh đàn bà thi nhau mũi lòng. Mụ Mâm Bông, dĩ nhiên là mụ Mâm Bông,

quá thương cảm mà lão đảo xoay một vòng, lại đủ ba trăm sáu mươi độ. Cô đào vũ nữ Chàm lục tung trí nhớ, tìm địa chỉ của một chuyên gia phục hồi di tích văn hóa. Tiếc thay ông này là người Ba Lan, quá xa xôi cách trở. Cho nên bà Ống Nhỏ đề nghị dán cao con hổ lên vết nứt ở cổ nàng Nậm Mây, còn ả ống Điều Bịt Bạc hiện đại hơn cho rằng phải dùng keo dán “một phút dính ngay” của Mỹ... Ôi! Biết bao từ bi hỷ xả để khép lại một chương không vui! Tôi lại xin nói ngay, rằng chương tiếp theo còn buồn hơn. Buồn vui là lẽ thường, nhưng xem ra vui thì như nước bốc hơi, buồn đọng lại như muối xót.

3

TÊN TRỘM

Đêm hôm ấy tôi suýt ngạt thở trong tủ kính. Là Phật thì ít cần tiện nghi sinh hoạt, nhưng cần nhiều không khí trong lành. Nàng Nậm Mây thở ý tứ khẽ khàng, mỗi hạt ô-xy hít vào là như tỏ một xin lỗi người bên cạnh. Và thậm thì xa xôi trong mỗi hơi nàng thở có biển. Lại xin mở ngoặc là từ lúc cổ bị nứt, tiếng thở của nàng nghe càng thương, đóng ngoặc. Nay hai cô Khang Hy rồm ùng ùng chen ngang! Vào

giữa nàng và tôi trong tủ kính! Ngáy như sấm. Thở ò ò như thổi lò nấu phở! Xả các-bon ngập ngựa trần gian! Kẻ tinh chỉ cần nghe tiếng thở là biết có thật đồ cổ hay không. Càng nặng thâm niên càng tinh diệu khí công. Ngáy như thế, thở như thế, thì dấu Khang Hy chứ dấu Phục Hy đóng vào cũng lộ ráo chân tướng! Quả là hình hài có thể làm rởm, chứ lậy cả nón chẳng có được cái tinh thần!

Nhưng người đời có mắt đã như không, có tai lại càng như không. Thả tàu bay ra điếc trời, bung ô-tô xe máy ra điếc đất, bao nhiêu thánh giác còn lại nường cả vào ba hoa và tuyên truyền cãi vã, lấy đầu ra màng nhĩ phân biệt thở đời mới hay thở bốn trăm mười sáu năm!

Tôi đang triết lý ngổn ngang về văn hóa thở thì xảy ra một biến cố. Một thằng người trong bóng tối hiện ra. Bộ dạng

như cáo đi bắt gà. Mặt trát bồ hóng đen thui, chỉ hở hai con mắt liên lảo. Hẩn rút kìm trong áo, cắt hai vòng khóa tủ kính ngon lành. Rồi a-lê hấp! Cả tôi lẫn nệm thật nệm rồm tống gọn vào túi bắt gà. Cậu Mỗ vội gõ anh Kiếm vội khua. Ông Ba Mười treo trên tường găm lên. Cánh đàn bà rú thất thanh, khiến tên trộm vội lủi nhanh, chúng tôi kẻ đi chẳng kịp chào người ở. Tôi đặc biệt nhớ hình ảnh anh Hũ đập đầu vào tường định tự tử để tên trộm phải xấu hổ, đám Bát Tràng giả cổ thì nheo nhéo giọng đạo đức giả: “Chị Nệm Mây ơi, chúng em nhớ chị lắm!”, và cô đào vũ nữ Chàm đau xót đứng lặng, tê cả chân. Còn chủ nhân? Y đã nốc rượu giải xui ngủ vùi. Gã chó béc-giê bị phạt ăn cơm nhạt tù trong buồng tắm.

Hai cô Khang Hy rồm được bắt cóc thì thích chí lắm. Vẽ ngay trong hai cái

đầu hơi nhiều cát hai cuốn tiểu thuyết giai nhân hiệp khách giang hồ! Túi đã chật, hai cô đã cộ quá mức cần thiết vào tôi, lại còn “Anh ơi anh ơi, đến hồi thứ mười ba chúng em trăm mình thì anh cứu lên Thiên Đường nhé!” Trời ơi, lại cứu lên Thiên Đường nữa! Học hành thế nào mà kiến thức tối thiểu chẳng có một xu. Nam-Mô-Bồ-Tát! Đây xin kiếu! Không có hai cô thì trên ấy cũng đông vui rồi.

Lại nói chuyện bệnh điếc của người đời: tên trộm đem chúng tôi về nhà, thấy nàng Nậm Mây nứt cổ, vút đi chẳng nỗ, đem bán chắc chẳng ai mua, nên tặc lười bảo dùng đựng rượu. Hắn chắt vào nàng thứ nước lỏng trông đáng ngờ từ một chiếc bình to có con rắn cuộn khoanh rất hãi. Nàng Nậm Mây run rẩy. Nhưng chưa kịp cất lời xin người đời

mở lòng quảng đại thì miệng đã bị bịt chặt bằng lá chuối khô. Hai cô Khang Hy rớm chẳng có nổi một vết xước của hiện thực thì được quàng khăn lụa màu mơ, nằm ườn trong hộp nhung, hưởng gấp cái thú thiên hạ bé cái lấm mà thành bà lớn. Phần tôi cũng được trọng vọng, ngồi chễm chệ trên bàn thờ. Phàm là phường bất lương lại thường mộ đạo quá thể. Tôi lâm vào cái thế cực chẳng đã, là sánh vai với lão Thần Tài và lão Thổ Công. Cá mè một lứa đã thật đau lòng, lại thêm mỗi lần mâm cúng dọn lên, hai lão cứ xoi mói như sợ Di Lặc tôi bụng to háu ăn mà hốt hết. Tôi hơi đầu mà giải thích, rằng mình bị dị ứng rượu thịt và không biết tiêu đô la âm phủ. Thần thánh thời nay hỗn loạn như cuộc đời, biết ai là ai mà phân bua cho rách việc. Cho nên tôi không bắt quen, cũng chẳng buồn can thiệp. Ba nén nhang mỗi kẻ ngửi một,

giữ thế chân kiềng trên bàn thờ. Tôi chỉ xót xa: chính là nàng Nậm Mây phải hầu rượu cúng. Rượu rắn, như đã nói, rất hãi. Pha nước mắt mỹ nhân. Mỗi lần tên trộm tóm cổ lôi nàng ra rót rượu đặt lên bàn thờ, đợi hai lão kia tợp rồi, tôi lại lén đong vào tay áo những giọt lệ nặng trĩu nỗi buồn dưới đáy chén. Tôi vẫn biết cuộc đời là bể khổ, nhưng những ngày lặng lẽ ấy cất giữ nước mắt của một người bạn, lần từng hạt từng hạt, mới thật thấm cái đại dương đó nặng, mặn, và buồn như thế nào. Biết đâu, ngoài hầu rượu nàng sẽ phải làm những việc khác của một ả đào, mui vui cho một thằng người và ba lão tượng...

Một hôm, nàng Nậm Mây đang rót rượu bỗng òa khóc. Nước mắt theo rượu, hay rượu theo nước mắt ộc hết ra ngoài. Tên trộm chửi một hồi, rồi bực mình

quảng nang vào xó bếp. – đó, còn đâu là nang tiên mây đời Mạc! Chỉ còn nang Lọ Lem. Bồ hóng phủ một lớp đen, dầu mỡ lại bôi nhờn. Cậu Chối Cùn chẳng buồn mon men, gã Rẽ Rách không thềm nâng đỡ. Chỉ có tay Que Cời cháy dở tìm cách tìm cách xọc vào, và lũ Phoi Bào trước khi ra tro lượn lơ tán láo.

Ôi, cuộc đời cám vàng điên đảo! Tôi đã quyết đứng trên mọi sự, thấy cảnh này cũng đành ra tay. Lấy 3,30251 kí lô cùng muôn ngàn giọt lệ cộng với sức nặng của ba trăm ba mươi tám năm lịch sử đè xuống cái bàn thờ. Bàn thờ đổ. Lão Thần Tài gãy xương hông. Lão Thổ Công chui tọt xuống gầm giường lặn mất. Tôi thầm mong hai lão thông cảm: đây không phải là đảo chính hay chiến tranh tôn giáo hay cách mạng vô thần, bản thân Di Lặc tôi rất tôn trọng tín ngưỡng và chỗ câu

cơm của kẻ khác. Lão Thần Tài có thể thí vài chục đô vào bệnh viện Việt-Đức là xương hông lại mới toanh. Thiếu gì nhà băng sẵn sàng đổi tiền dương gian lấy tiền âm phủ. Vả lại, thỉnh thoảng lão phải nhả ra tí lộc cho thiên hạ thì thiêng mới bền. Lão Thổ Công cũng có thể yên tâm. Lão cần người đời như thế nào thì người đời cũng cần lão như vậy. Mai mốt là có bàn thờ mới, tha hồ thượng hưởng, không phải chia mâm cúng với tôi.

Tên trộm thì hồn vía rụng rời, cứ lảm nhảm: “Lạy cụ! Cụ tha cho con nhờ! Con xin đưa cụ lên chùa! Hay có đường tắt nào lên Niết Bàn không tốn kém con xin làm tài xế!” Đúng giọng một thằng trộm. Định khoét vách để lọt vào Niết Bàn. Phường này đến chết còn gian, nhưng mộ đạo hơn đứt người tử tế. Thật là trách chẳng nổi, bảo chẳng xong, cho

một bài học như đánh đổ bàn thờ cũng không giải quyết được gì. Tôi thì muốn giải phóng nàng Nậm Mây khỏi cái xó bếp, phạt cậu Chối Cùn đi làm lao công quét chuồng lợn, phạt gã Rế Rách đi bê mụ Nồi Mூరి. Còn tay Que Cờ cháy dở mắc bệnh cùi thì đời đàng nào cũng tàn, và lũ Phoi Bào nhớ nhặng thì cho ở vậy kiếp tro, đừng có mơ được thăng kiếp thợ mộc. Nhưng kế hoạch giải phóng một phụ nữ của tôi xem ra cũng gian truân như phong trào giải phóng tất cả phụ nữ của người đời. Vừa mở đầu thì đã toan chấm dứt.

Tên trộm nhét tôi vào bao tải, khuân lên chùa. Phút chia ly trong bọc tối tôi đâu thấy nụ cười khổ đau đen màu bồ hóng của nàng Lọ Lem, chỉ nghe thoảng từ xó bếp lời nhắn: “Mong nhà Phật hãy bảo trọng!” Thật là một cốt cách đáng

khâm phục! Trong một hoàn cảnh rất chi là “hoàn cảnh” như thế mà chỉ nghĩ đến người khác chứ không nghĩ đến mình! Chẳng bù cho hai cô Khang Hy rớm tí tổn trong hộp nhung, cú nheo nhéo: “Gút-bai, ô-rơ-voa, anh ơi đừng quên chúng em nhé!” Là Phật thì lấy từ bị làm gốc, tôi không lần tràng hạt cầu cho hai cuốn tiểu thuyết giang hồ của hai cô sớm vào hai hồi thứ mười ba. Nhưng cũng cầu cho không phải “rơ-voa” hai cô. May là hai cô chỉ biết qua loa tiếng Pháp tiếng Anh để mạo danh nước lớn Trung Hoa đi đánh chuông quốc tế, không hện gặp lại tôi bằng tiếng Phạn!

Đó là lần đầu từ buổi quen nhau tôi phải xa nàng Nậm Mây. Tính ra thiếu hai ngày thì tròn ba tuần lễ. Là một chớp mắt của vũ trụ. Nhưng lúc ấy, quả thật, tôi đã tưởng chia ly ấy là vĩnh viễn. Đã tưởng,

tất cả những gì tôi giữ lại được của nàng
chỉ là muôn ngàn giọt nước mắt trong
tay áo.

4

**MỘT CHƯƠNG
NGẮN NGỦ Ở CHÙA**

Sau một tràng “Nam-Mô” tên trộm bỏ tôi lại cổng chùa, như người ta bỏ trẻ sơ sinh vào cửa Phật. Thật là một tình huống đặc sắc của số phận! Tôi đúng là kẻ vô thừa nhận, song dù có được quần tã và oe oe khóc cũng khó mà ăn bớt cả ba trăm ba mươi tám tuổi để thành hài nhi. Nhưng ai nhất, tôi đây xin nhì, ai nhì tôi thì thứ ba, kiểu gì tôi cũng nhún được thì nhường cho số phận đùa

với mình một chút là thường, thậm chí là phương pháp thư giãn rất hiệu nghiệm!

Ngôi chùa nhỏ. Mái đã xiêu, cửa tam quan xộc xệch. Cảnh thanh bần này hợp ý tôi lắm. Hãi nhất là chui vào những chùa giàu, nườm nượp khách du lịch chậm nén hương thản nhiên như đốt thuốc, vừa nhai kẹo cao su vừa gửi lời thăm Phật, và rất bận quay phim.

Rạng sáng có nhà sư già ra ngạc nhiên, thấy tôi cười trong bao chứ không phải một đứa bé đỏ hỏn. Sư là người kh-iêm tốn, e chùa mình không xứng với lớp sơn đã rạn chân muỗi nơi tôi, nên vội vàng đi trình. Ngay buổi chiều tôi đã sang tay một phái đoàn, nào cán bộ nào chuyên gia, vào hồ sơ, ra chụp ảnh. Họ thảo luận. Họ tranh luận. Lại nhắc tới chùa Tây Phương. Lại bản khoản về chữ “TRƯỜNG”. Chẳng ai chịu ai, nhưng kết

luận rằng tôi phải đi bảo tàng lập tức. Thế là a-lê-hấp, tạm biệt ngôi chùa, tạm biệt cảnh yên tĩnh đơn sơ, tạm biệt nhà sư, và thêm một dặm rời xa quá khứ của ngày hôm qua với nàng Nậm Mây, thôi tạm biệt...

5

PHÚC VÀ HỌA VIỆN BẢO TÀNG

Trên đường đến bảo tàng tôi tự nhủ, về hưu trong viện dưỡng lão này thôi cũng là một vinh dự. Xung quanh chắc toàn các cụ, không lo gì nhiều nhương. Tôi vịnh sẵn trong đầu rằng:

Nơi đây là tập thể

Chẳng ai đánh lẻ

Có thể hơi tẻ

Ưa khô hài như tôi thì nghỉ khỏe

Nhưng được bình yên.

Tôi sẽ tĩnh tâm tham thiền

Hoan hô cái ưu tiên!

Nhưng ưu tiên đầu chưa thấy, đã thấy chui vào một chiếc túi ni lông niêm phong chặt. Di Lạc tôi nào có sinh ra và lớn lên với chất dẻo tổng hợp. Tôi không khuyến khích ai cổ hủ, đội mũ vô dũa ăn bát vỏ dừa, nhưng hiện đại là ni lông như thế này thì tôi xin kiếu! Như đã nói, là Phật thì ít cần tiện nghi sinh hoạt, nhưng cần rất nhiều không khí trong lành. Đằng này, tôi chẳng tham, chỉ khiêm tốn thở ra hít vào ba bốn bận đã hết nhãn dưỡng khí. Lăn suýt ngạt trong tủ kính ở nhà tay buôn đồ cổ vì hai cô Khang Hy rớm, so với đây còn là cực nhân đạo. Đến nước này, tôi đành niệm chú mà coi thân xác mình có cũng như chẳng có. Nhưng khi

đó, thú thật là trái tim gỗ của tôi đã lạnh đi một phần tư độ, vì giả sử một ngọn gió màu đưa nàng Nậm Mây đến chốn này, liệu nàng có nhìn ra tôi? Tôi ở trong tôi và tôi lại không ở trong tôi? Hay khuất mắt một nửa thì lòng bèn khuất cả?

Nhưng bi kịch của tôi té ra là một bi kịch nhỏ. Xung quanh tôi quả là toàn các cụ thượng thọ, song tình cảnh chung đáng để gọi đây là Viện Khổ Lão, chứ Dưỡng Lão thì thật khôi hài. Kìa là cặp vợ chồng Cối Chày Ngọc Chân Lạp, khổ một nỗi là cụ ông Chày không nằm trong cụ bà Cối đúng tục lệ, mà lăn ra cách một quãng chừng năm phân và có nguy cơ còn lăn nữa. Chẳng qua vì hai cụ đều ở trên mặt một cụ Kệ, cụ này lại bị đặt ngửa trên lưng một cụ Rùa Đá, còn cụ Rùa Đá có bốn chân thì ba chân chỉ sút sẹo, nhưng chân thứ tư đã cụt gần hết,

nên dù thông cảm lắm với tình vợ chồng của hai cụ Chày Cối cũng chẳng giữ được thăng bằng. Cuộc đời mỗi cụ đều đáng một pho sử xanh. Tôi nhờ đó được mở mang kiến thức, cái rủi thế là thành cái may vậy! Hai cụ Chày Cối hơn tôi chừng ngàn tuổi, nói tiếng Việt không được sôi, vì quê ở tận miệt dưới, mãi sau này mới nhập vào nước ta. Các cụ sinh ra từ thứ ngọc mà tôi xin phiên âm tạm là ngọc Tơ Ra, chuyên dùng vào một việc, là khi bỏ vào cụ bà Cối một nắm lá Tơ Răng và cụ ông Chày giã xuống thì được một thứ thuốc trẻ mãi không già. Người xứ ấy gọi tuổi trẻ là Tơ Rung là vì vậy. Đến đây tôi trộm đoán, biết đâu tiếng Việt mình đã cho từ ấy rụng mất cái đuôi “rung”, giữ lại đầu “tơ”, có nghĩa non trẻ, như trong những từ “trâu tơ, trai tơ, gái tơ” chẳng hạn. Thật là thú vị! Tôi vốn không sành chuyện chữ nghĩa, nhưng ở đây một thời

gian có khi thành nhà ngôn ngữ học cũng nên! Cự Kệ thì nói rất tiếng Trung Quốc, rất may là cự phát âm chuẩn giọng đời Đường, không xa lạ với tiếng Hán Việt của chúng ta lắm. Gắng một chút tôi nghe cũng thủng bài thơ của một thi sĩ vô danh khắc trên mặt cự. Tính cự thực ra hơi khó. Cự cho rằng bia nước Nam khắc chữ thường nhỏ và nông, phần lớn lại là bia vuông, chứ như cự, vừa tròn vừa mang chữ khắc sâu sắc và to đùng, phải được đối xử như thượng khách mới hợp lẽ. Nhưng dấu sao cự cũng còn được ngự trên lưng cự Rùa Đá, mà cự này, suốt từ buổi tôi đến đây, không hề hé răng than phiền, dù chiếc chân cụt của cự đáng để cự hưởng chế độ đãi ngộ đặc biệt giành cho người già tàn tật.

Kia nữa là đám bô lão Trống Đồng Ngọc Lũ, cả thầy dăm bảy cự. Một cự

họ sù sụ. Cụ giận các nhà khảo cổ, đào cụ lên thì được, mà mãi chẳng buồn trị cái ẩm mấy ngàn năm ngấm vào xương tủy, khiến cụ mắc bệnh thấp khớp kinh niên. Một cụ hình như có triệu chứng rối loạn tâm thần, cứ lảo đảo định xoay theo chiều kim đồng hồ, thật tội nghiệp. Như tôi sinh sau đẻ muộn mà còn biết, rằng mọi chuyển động trên trống đồng đều ngược chiều đồng hồ cả. Một cụ nữa thì bại liệt. Nghe nói trước khi về đây, cụ đã bị kê làm bục đi không biết bao nhiêu đời. Nhưng như thế còn là may, bạn bè cụ lắm người bị nấu chung với mâm, nôi, chuông, vạc, đem đúc thành tượng lãnh tụ. Ôi! Di Lặc tôi phải dằn lòng phần nộ, nhưng không khỏi đau xót mà nhận ra rằng, có tụng hết kinh cũng chẳng giúp gì được các cụ ấy!

Và các cụ khác cũng vậy, nào hàng

trăm cụ Tiên Đồng, nào mấy chục cụ Lọ, rồi các cụ Nỏ, các cụ Tráp, các cụ Ván Khắc, các cụ Ván Thuyền, các cụ Cột Đình, các cụ Phướn..., đứng, nằm, ngồi và chồng chất la liệt lên nhau. Chẳng hạn muốn hỏi chuyện cụ Cơi Trầu, trước hết phải xin phép cụ Thạp Thanh Hóa, để cụ này đánh tiếng bằng giọng bụng với phần còn sót lại của cụ Nồi Đất Chờ Bụng trong lòng mình, rồi cụ Nồi sẽ gắng nhích ra một phần trăm ly để cụ Cơi Trầu bị đè bên dưới có cơ hội mà trò chuyện. Bản thân tôi, thật đáng tiếc, cũng ngồi đứng lên vết thương của một cụ Đĩa Vân Đồn. Chỗ đau này, do cụ lâu ngày bị dùng làm máng ăn cho lợn, không thể hàn gắn nổi. Thấy tôi bối rối, cụ bảo không ai có lỗi, chẳng qua vì bảo tàng chật chỗ, mà chưa có kinh phí xây thêm. Nói nôm na là túng tiền. Thế là tất cả chui vào ni lông mà chờ đợi. Cụ ở đây đã ba mươi chín cái

Tết, hồi chiến tranh đi sơ tán hai lần, khổ nhưng còn hơn làm máng lợn. Ôi! Một lần nữa tôi lại biết thế nào là lòng kiêu hãnh của một cổ vật. Thà bị lãng quên, thà tiêu tan còn hơn bị dùng sai việc. Tôi lại mủi lòng, mang những giọt nước mắt của nàng Nậm Mây ra đếm. Nếu chẳng may bị làm lọ mắ cho tên trộm nếm, liệu nàng có còn đủ sức mà an toàn ngất đi?

Tôi đang chăm chỉ bồi bổ kiến thức lịch sử, văn hóa và mỹ thuật, thì lại có chuyện. Bảo tàng quyết định bán một phần bộ sưu tập trong kho, chắc lấy ấy làm nguồn kinh phí tự túc. Trước đó nhiều buổi, chúng tôi ai cũng tỏ ra bình thản, nhưng sự căng thẳng hồi hộp chung khiến những chiếc túi ni lông phồng thêm ngọt ngọt. Chúng tôi không sợ bị bán. Thúy Kiều bán mình chuộc

cha bằng ba trăm lượng vàng, thì tôi đổi mình lấy 3,30251 kí lô kim cương, gì chứ tậu cho cụ Rùa Đá được cái chân, cho cụ Đĩa Vân Đồn được cái tử kính sáng choang, và cho các cụ Trống Đồng chữa bệnh ở nhà thương tốt nhất, chắc là được! Nhưng vụ này có một vị gì đặng đặng, chỉ nhận ra bằng linh cảm của những cổ vật chân chính mà thôi.

Quả nhiên, hôm ấy ông giám đốc bảo tàng tuyên bố, đây là bán thanh lý, nghĩa là thải ra những gì kém giá trị, hay đồ vật, đồ hỏng, hay bản thừa. Tôi chẳng dám nghi ngờ, là mình kém quý báu hơn cụ Khăn Rọ Hồ, cụ hơn tôi ít nhất sáu trăm tuổi, gân đã mục gân hết. Vậy mà a-lê-hấp, gạch sỏ một cái là cụ Khăn đã thành đồ thải. Xem ra, kích thước và trọng lượng ở đây là đủ làm tiêu chuẩn phân loại, bảo tàng đã túng kinh phí thì

túng luôn cả chuyên gia cẩn trọng với nghề. Cụ Quạt Giấy thế kỷ mười lăm, có châm một bài thơ nôm của Nguyễn Trãi, tôi cho là báu vật hạng nhất, chỉ vì nhẹ nhàng mỏng mảnh quá mà phải ngậm ngùi từ biệt. Các cụ Tiền Đồng bị liệt phất vào hàng đồ vật. Cụ ông Chày Ngọc Chân Lạp gày hơn cụ bà Cối Ngọc Chân Lạp, nên cụ bà ở lại, cụ ông ra đi. Hỡi lá Tơ Ra Tơ Ri! Chày Cối ấy chia ly thì thuật trẻ mãi không già vĩnh viễn là huyền thoại! Bảy cụ Trống Đồng thì một ở lại, sáu thành ra bản thừa. Ai trong chúng tôi chẳng biết mỗi trống đồng mang riêng một mã, như thể một văn tự, tập hợp đủ mấy chục vạn trống mới đọc ra pho sách lịch sử. Bây giờ sách ấy bị tẩy đi sáu chữ như không.

Tôi chẳng rõ, vì sao mình không bị gạch sổ. Vì bụng tôi quá bự? Hay Phật

thì không thể là đồ vật, đồ thừa? Đúng lúc ông giám đốc sắp bỏ đi, số phận xui khiến như thế nào mà chiếc mộng gấn đầu tôi với thân tôi long ra, khiến cụ Lọng bên cạnh giật mình đánh thót. Cụ Lọng tuy đứng cao chót vót, nhưng tai thính, định nghiêng xuống tìm hiểu sự tình, song chân cụ run, nên ngã. Cụ sụp đổ, kéo theo đầu tôi lìa khỏi cổ, kết quả là tôi bị gạch sổ, như mấy cụ Lọ vỡ, cụ Rùa Đá cụt một chân và cụ Đĩa Vân Đồn đã mẻ. Như thế là họa hay phúc nào ai biết? Mở ngoặc, tôi xin nhắc chuyện cũ:

Xưa có ông già mất con ngựa, người ta chia buồn thì ông nói: chưa chắc là không phải phúc đâu! Được ít tháng con ngựa tự trở về, người ta chia vui thì ông nói: chưa chắc là không phải họa đâu! Chẳng bao lâu con trai ông ngã ngựa gãy chân, ông lại bảo: chưa chắc là không

phải phúc đâu! Về sau nước ông có giặc, trai tráng trong làng đều phải ra trận, bị giết hết cả. Con trai ông vì què chân, không phải đi lính nên được an toàn.

Đóng ngoặc.

6

ÔNG TRI KỶ

Xin nói ngay rằng, tôi không bị tổng ra chợ đồ cổ, như ở Vĩnh Bảo, ở bên Thái, hay ở phố người Hoa. Khách ghé những chợ ấy đều có bằng giang hồ, bết ra là những tay đại lý tàu biển, rô-ti mười lửa lông chân chẳng bén, coi trời không bằng cái vung. Đằng này, chỗ chúng tôi là một cửa hàng, tên rất nghiêm là “Dịch vụ thương mại mỹ thuật quốc gia”, khách hàng toàn là chỗ làm ăn tử tế. Tình hình quả là không đến nỗi tệ,

nếu... e hèm... nếu tôi không đầu một nơi thân một nẻo...

Chiếc mộng gỗ gắn đầu tôi với thân tôi đã long ra từ chương trước như bạn đọc hẳn còn nhớ. Trong lúc chuyên chở, người ta xếp đầu tôi chung với những vật nhỏ, còn thân tôi đi cùng những vật công kênh ở thùng riêng. Lần đầu tiên mình bỗng xa mình, tôi mới thấm thía thế nào là cảm giác thiếu thiếu.

Ôi chiếc bụng kỳ diệu! Chưa bao giờ tôi nhớ nó như bây giờ, khi tôi ở quầy hàng bên này, nó lại ở quầy hàng bên kia! Và chuyện phải xảy ra đã xảy ra. Người bán, kẻ mua. Tôi đoán rằng, mình thành hai món hàng chắc lời hơn mình chỉ là một món. Món thân tôi về tay một công ty mỹ thuật. Tôi chỉ kịp lặng lẽ chào cái mình kia vĩnh biệt, trước khi món đầu tôi là cái mình này theo về một nhà sưu tập

tư nhân. Thế là xong! Trách con người cầu thả cũng bằng không, bởi khối kẻ trong số họ giữ thân họ chẳng xong, giữ đầu càng khó. Tôi chỉ chợt nghĩ, một ngày nào đó, ôi nếu tái ngộ nàng Nậm Mây, liệu tình bạn còn đủ đầy cho kẻ thân tàn là tôi với một chiếc đầu không thân, hay một chiếc thân không đầu trôi nổi?

Bây giờ xin kể về ông chủ mới. Ông này, như người đời thường gọi, là một kẻ lập dị, nhưng chẳng mấy chốc tôi nhận thấy lập dị như vậy cũng dễ thương. Ông mang tôi về, bày ra rượu trà một mâm, rồi nâng cốc: “Chúc cụ vạn sự bình an!” Tôi ngó quanh, chẳng thấy ai, té ra “cụ” đây chính là mình, nên cũng muốn làm một chén đáp lại lòng hiếu khách. Tiếc rằng bụng tôi đang ở nơi khác, nên tôi đành hạn chế vào việc cười rộng ra thêm một phần trăm ly.

“Xin thưa với cụ”, ông chủ mới lại lên tiếng, “hôm nay tôi rước cụ về, nhà cửa đơn sơ nhưng là chỗ lành, mong cụ được nghỉ ngơi ít bữa. Khi nào đến việc cụ phải đi, tôi cũng không dám giữ. Được quen biết cụ như thế này là hân hạnh cho tôi lắm rồi.”

Nghe mấy lời nhã nhặn này tôi thấy cảm động. Bao nhiêu hàng rào ngôn ngữ chia cắt giới đồ vật như tôi với giới người như ông ấy bỗng tiêu tan. Đôi bên chuyện trò miên man, nghĩa là ông ấy cứ tỉ tê, còn tôi lắng nghe, cách đối thoại này hóa ra là rất thú vị. Ông Tri Kỉ, mở ngoặc giải thích, là tôi ngấm tặc ông cái tên đẹp đẽ ấy, đóng ngoặc, bề ngoài trông ngu ngơ, như không có học thức gì, nhưng càng ngấm chuyện tôi càng thấy ông chẳng những tinh thông sử sách mà việc đời cũng lịch duyệt. Tôi lại càng tiếc, không

biết bụng mình ở đâu, đành dùng mỗi cái đầu để đựng chuyện ông vậy.

Ông kể, cha ông buôn đồ cổ khét tiếng toàn Đông Dương. Nhưng nghề ấy, ông Tri Kỉ gọi là nghề buôn quá khứ, buôn thời gian. Làm giàu bằng hai thứ này không giống như kiếm lời bằng buôn thóc gạo mắm muối. Quá khứ có những món quà, và những món nợ của nó. Quà đến hôm trước, hôm sau nợ gõ cửa, không biết thế nào mà lường. Còn thời gian, thời gian đọng lại trên những báu vật cổ, để nó trôi qua mình thì được, giữ nó ở chơi một lát cũng được, nhưng bắt nó làm con gà đẻ trứng vàng cho mình nhặt, thì sẽ có lúc bị gà ấy mổ mất thành mù. Cho nên những nhà buôn đồ cổ, không nhà nào được cha truyền con nối. Thường chỉ một đời tai họa đã tới. Nhà ông cũng vậy. Mẹ ông ốm đau triền

miên rồi mất sớm. Cha ông bỏ xác bên Lào. Ông Tri Kỉ thừa hưởng một gia tài khổng lồ và lòng đam mê đồ cổ. Lòng mê thì ông giữ, nhưng gia tài thì ông cho đội nón ra khỏi cửa, bao giờ cũng chỉ để trong nhà vừa đúng ba món cổ. Ông bảo, nhiều quá ba thứ thì khí âm trong nhà đè khí dương, có sống cũng bằng gần đất xa trời vậy.

Thấy tôi ăn chuyện, ông Tri Kỉ lại kể tiếp: Tuần trước trong nhà ông có chiếc Sập Bát Tiên Quá Hải là một, xâu tiền Vạn Lịch là hai, ba là một pho tượng thần Độc Cước. Chiếc Sập là vật duy nhất của cha ông còn lại. Cha ông từng cho qua tay hàng trăm sập đủ loại, riêng chiếc này cụ giữ, thậm chí đến lúc chết không một lần dám ngồi lên. Ông Tri Kỉ tuy biết sợ, không dám giữ báu vật mà ông gọi rất hay là “chứng tử của lịch sử” làm

của riêng, nhưng lại e hồn thiêng của cha ông từ bên Lào lặn lội về, không thấy sập thì ông mắc tội bất hiếu. Thế đấy, một lần nữa tôi lại được hiểu, người hiền như ông Tri Kỉ thì tâm trí vất vả vì nghĩ ngợi lăm ngả. Cứ như tay buôn đồ cổ mà tôi kể ở chương một, thì chân tay và miệng lưỡi tuy bận rộn mà bụng nhàn.

Tôi đang vẫn vợ so sánh như thế, bỗng xảy ra chuyện lạ. Trái tim tôi rõ ràng đang đi vắng, mà tiếng nó đánh trống át hẳn tiếng giã gạo từ nhà bên. Thành thịch. Gấp gáp. Thật không thích hợp với tính trầm tĩnh của nhà Phật. Di Lặc tôi nào có chờ đợi điều gì hệ trọng ở thế gian này mà hồi hộp? Nhưng mặt khác, tim tôi hẳn không hành động vô cớ, dù nó chỉ là một mẩu gỗ, nên tôi quyết định không vội dùng giáo lý trấn áp, mà để từ từ xem sao. Thế là tai này tôi nghe tim

mình ở đâu đập về, tai kia không bỏ sót lời nào của ông Tri Kỉ.

Ông tiếp tục kể: tuần trước ông chia tay pho Độc Cước. Ấy là tượng một vị thần cổ Đông Nam Á, nửa trên là người, nửa dưới là nguyên một lưỡi sòng, ông cho rằng trông ma quái mà hùng tráng hơn tượng nhân sư bên Ai Cập. Tiễn vị này đi, ông lưu luyến lắm. Nhưng nhà có khách mới, như đã nói là ông không bao giờ giữ quá ba cổ vật, nên có sum họp thì chia ly cũng là hợp lẽ đời. Vả lại, vị khách mới là một nàng tiên tuyệt vời...

Đến đây, trống ngực tôi đổ hồi. Nàng tiên ấy... Ôi, tôi không chen ngang đâu, xin ông mau nói tiếp!

Ông Tri Kỉ chậm rãi đứng dậy, đi xuống bếp. Lúc trở lên tay ông cầm một

hộp nhung. Rồi mở hộp: bên trong là hai cô Khang Hy rơm!

Tôi choáng váng. Cái mừng đáng ngán nhất là mừng hụt. Mà tôi hụt hai lần. Một là trượt người mong, lại trúng ngay vào hai cô nàng trời đánh. Hai là, người tôi tưởng sâu sắc và thâm đặt cho một cái tên đẹp là ông Tri Kỉ hoá ra cũng nhìn thau ra vàng. Còn nàng, nàng ở đâu trong trời đất này? Nhưng ô hay ô hay, sao tim tôi càng giã gạo?

Lại nói hai cô Khang Hy rơm, đang hí hờn tưởng được ra mắt, bỗng thấy tôi trong tình trạng vồn vện là một chiếc đầu. Hai cô quên cả chào, rú lên kinh hoàng và bịt vội mắt bằng khăn lụa. Tôi vốn là chỗ người quen cũ, từng được hai cô gửi gắm nguyện vọng lên Thiên Đường gì

đó. Thật là người đã rỏm thì rỏm không sót góc nào! Tôi bèn cho qua hai ả đào, để dõi theo ông Tri Kỉ đang mỉm cười ra chiều thích thú. Nguyên là nghe người mách, ở nhà ấy nhà ấy có món đồ sứ, quý hiếm vô cùng, ông tìm đến thăm thì chủ nhân hãnh diện đem hai cô này ra chào khách. Ông hiểu ngay, y là hạng phàm tục. Định ra về, thì thấy trong góc bếp một vật báu thật sự. Ông đành tậu hai cô này với giá cắt cổ, để tay chủ vui lòng biểu không chiếc lọ nứt vô dụng lắm lem tro bụi.

Tôi nghe tim mình ở đâu đó sưng lại. Như thể nó là quả bầu nơi cây đàn độc huyền, vừa khiến những âm thanh giục giã dồn dập vang lên, nay chuyển êm vào một làn luyến láy nhẹ như tiếng rung của râu con bướm bướm. Ông Tri Kỉ đã nhẹ

nhàng từ buồng trong trở lại, tay nâng một vật trong vuông gấm. Là nàng Nậm Mây! Và tiếng nàng ngọt ngào du dương, như thể mến thương mãi mãi ngự trị thế gian này: “Con xin chào nhà Phật!”

7

MỘT NĂM HẠNH PHÚC

Không bao giờ tôi quên được cái nhìn dịu dàng thương cảm của nàng tiên mây kỳ diệu ấy! Nàng chẳng lẫn ra ngất, chẳng bịt vội mắt che vội mặt trước phần còn lại của tôi: một cái đầu đã rời khỏi cổ. Nàng chỉ xót xa hỏi:

– Trời cao đất dày đầu, mà nhà Phật ra nông nổi này?

Tôi đáp:

– Ô, có gì đâu! Chuyện vặt thôi mà! Thưa bà, bà mới thật là người can đảm chịu đựng số phận. Nhân đây, cho tôi được tỏ lòng kính trọng. Phụ nữ không mấy ai được như vậy, đa phần tưởng trên đời chẳng ai khổ bằng mình, có cái bi kịch be bé xé mãi ra, thành hài kịch vậy.

Nàng Nậm Mây đỏ mặt, mở ngoặc là vết xước 1,7583 phân nơi cổ nàng cũng hơi ửng, trông thật đáng yêu, đóng ngoặc. Nàng trách:

– Hình như nhà Phật không đề cao phụ nữ lắm thì phải!

Tôi bắt quả tang mình bối rối. A, thế ra tôi cũng nặng thành kiến. Mà lại thiếu ý thức tự phê bình. Đúng là chỉ mình nhìn mình thì sáng suốt mấy cũng không tránh được những điểm mù nhất định. Tôi vội vàng nhận thiếu sót. Thời bây giờ

quả đã khác. Tôi thật không nên ý mình là “chứng tử của lịch sử” mà gìn giữ quan niệm cũ, coi đàn ông là ngón cái, đàn bà bất quá là ngón út trong một bàn tay. Vả lại, phê bình mà mềm mỏng như lỗi trách của nàng Nậm Mây, không khéo tôi ứng mắc thêm vài lỗi mọn khác để thỉnh thoảng được nghe trách! Tóm lại, tôi thật sung sướng. Nếu không cần giữ phong độ nhà Phật, chắc tôi đã nhảy lên mà làm mấy vòng nhào lộn trong không trung rồi. Người ta vốn sợ tái ngộ, như sợ vượt muôn dặm đường về quê cũ, mà quê cũ chẳng còn như xưa. Tôi đây gặp lại người trong mơ, mong nhớ lại thỏa mong nhớ, mến thương lại trọn vẹn mến thương! Và tôi không quên, ngày hôm nay có được là nhờ ông Tri Kỉ.

Ông thật tế nhị. Chờ đôi bên lắng cơn xúc động, ông dẫn nàng Nậm Mây và

tôi đến chào anh Sập. Đã nghe giới thiệu trước, mà lúc tiếp kiến, tôi không khỏi giật mình. Cho đến nay thú thật tôi không khoái làm thân với các vị sập. Một là họ nhiều quá. Bản thân họ đã rất chiếm chỗ, lại ngồi chình ình khắp nơi, nhằm chẳng kém đám Bát Tràng đời mới. Hai nữa, hình như họ nếu không nhạt thì lại lố, chưa bao giờ nghe nói trên đời có cái gọi là “tốt gu”. Hoặc họ cứ vô vị mà lù lù, hoặc nhất quyết theo trường phái “càng nhiều càng ít”. Nào điển nộ đề lên tích kia rậm rịt, nào hoa lá cành rườm rà, nào chân quỳ dạ cá rắc rối. Có lần tôi còn gặp một chàng Sập Cao Bồi Hiện Đại, bốn chân đi ủng bít bạc, thắt đai đồng, lưng xăm nguyên một nàng. Nàng ấy, chẳng biết theo gương ai, mà “nhịn mặc” còn hơn Di Lạc tôi nữa. Nhưng anh Sập Bát Tiên Quá Hải đây là trường hợp hoàn toàn vượt khuôn khổ. Nếu có thể so các

vị khác chẳng hạn với phở, nuốt cho qua bữa, thì anh đây vẫn là phở, nhưng ăn đến đâu sướng đến đấy, một lần nhớ đời. Tôi cứ tròn mắt ngắm tấm lưng anh thanh tao mà vững chãi ngời ngời, là nguyên một phiến lim đen, cây lim ấy chắc mười người ôm không xuể, hẳn là lim xứ Nghệ, tốt bậc nhất nước Nam. Bốn chân thì cực hài hòa, không một ly thừa thiếu. Và cảnh khảm tám vị tiên vượt biển mới thực kỳ diệu! Mỗi vị một vẻ vô cùng sinh động, mở ngoặc là tôi đặc biệt ưa bộ râu Lý Thiết Quài, đóng ngoặc. Mây mờ màng, núi Bồng Lai mờ tỏ, sóng vỗ mạn thuyền, cảnh vừa thực vừa tiên, vừa dung dị vừa rực rỡ trong muôn vạn mảnh xà cừ lấp lánh. Quả là một tuyệt phẩm, chẳng trách ông Tri Kỉ giữ làm gia bảo, không muốn rời. Nàng Nậm Mây cũng cảm kích chẳng kém gì tôi. Chúng tôi thật may mắn và hân hạnh

đến đây làm khách cùng một bậc hào kiệt như vậy.

Anh Sập tỏ ra rất niềm nở, khiến ông Tri Kỉ vui vẻ đặt nàng Nậm Mây và tôi lên lưng anh, mở ngoặc nhắc lại, là trong khi cha ông và bản thân ông chưa bao giờ dám leo lên đó, đóng ngoặc. Chúng tôi lập tức thành thân thiết, chẳng mấy chốc mà coi nhau như ruột thịt, mọi việc cùng chia sẻ, hòa hợp vô cùng. Lại thêm mỗi người đều có chút năng khiếu. Nàng Nậm Mây có khiếu nhạc. Tôi hơi biết làm thơ. Anh Sập tài kể chuyện cổ. Ông Tri Kỉ thì có duyên cầm cọ. Thế là thành một bộ tứ thật ăn ý. Tôi đã tức cảnh hạnh phúc giản dị mà ngọt lịm này làm thơ rằng:

Cõi nào tuyệt như cõi này

Niết Bàn là đây

Ở trong tâm tay

Đáng sống lắm thay!

Hay ời là hay!

Song tôi hằng biết, đời là vô thường, như nước theo dòng, không chọn khúc sông êm mà ở mãi được. Như chỗ của tôi trong nhà này, mới tuần trước thuộc về xâu tiền Vạn Lịch. Anh Sập kể sơ lược chuyện gốc tích tiền ấy như sau:

Xưa có nhà buôn tên Vạn Lịch, cậy sức mình làm ăn phát tài, làm một tấm biển lớn, đề hai chữ “Nhân Lực” treo giữa nhà. Vợ hắn không cho là đúng, chờ lúc chồng đi vắng mới viết thêm hai nét vào chữ “Nhân”, thành ra chữ “Thiên”. “Thiên Lực”, ngụ ý là nhờ ở sức trời vậy. Chồng về thấy vậy tức lắm, nói: “Tao học hành làm ăn vất vả từ bé mới được như thế này,

toàn là sức người, có thấy trời giúp ngày nào đâu! Mày tin ở trời thế thì để xem trời giúp mày như thế nào!” Bèn đuổi vợ đi. Vợ khẩn: “Hể chính ngộ ra đường gặp người đàn ông nào sẽ lấy người đó làm chồng.” Nàng gặp và lấy một người đánh cá nghèo. Được vài năm, tàu buôn của Vạn Lịch bị đắm, tài sản mất hết cả. Vợ chồng người đánh cá sinh sống ở khúc sông ấy, ngẫu nhiên mà được của. Một hôm có người ăn mày đến gõ cửa, hóa ra là chồng cũ. Nàng đối xử tử tế, nhưng hăn quá xấu hổ nên bỏ đi. Nàng bèn đem hết của trời cho đúc thành những đồng tiền có khắc chữ Vạn Lịch, phân phát cho người nghèo, mong sao cũng đến tay người chồng cũ.

Tiền đó nay thỉnh thoảng vẫn còn nhặt được ở vùng sông Cả trong dân gian.

Vậy là lòng trời rộng vô cùng, đo làm sao thấu.

Đức độ của người vợ trong truyện ấy là vừa không phụ người, vừa không phụ trời. Tôi đang được hạnh phúc thì một lòng xin hưởng hạnh phúc, khi nào duyên lành nhường duyên dữ thì Di Lạc đây đâu dám từ. Tôi ở nhà ông Tri Kỉ một năm chẵn, được chăm trong tình thương và tình nghệ thuật, được kết nghĩa anh em với anh Sập, được chủ nhà trọng đãi, và được nàng Nậm Mây sớm ngày gần gũi! Hạnh phúc chẳng bao giờ tròn như bưởi, việc tấm thân tôi gặp rủi mà lỡ mất chuyến tàu ước mong này, âu cũng là lẽ thường. Vả lại, sống thân chưa chắc đã hợp với một vị Phật, hẳn duyên nghiệp tinh táo đã hạn chế tôi vào mức cho phép, là chỉ sống đầu.

Những ngày vui ngắn chẳng đầy gang, như người ta thường nói. Chương này sao mà ngắn ngủi, như thể vừa mở ra đã khép lại, để chương sau thêm dài...

8

MỘT THÂN XÁC XA LẠ,
MỘT TÂM HỒN XA LẠ

Tại họa xảy ra nhanh như búng ngón tay. Như thể mới phút trước ông Tri Kỉ còn tạm biệt chúng tôi, khăn gói đi đón hài cốt cha ông mới tìm được bên Lào, phút sau chúng tôi đã rơi vào tay cái Công Ty Mỹ Thuật bề mặt, bên trong thực ra là Công Ty Ma Thuật ấy. Sau này tôi nghe nói, ông Tri Kỉ từ lâu là cái gai đâm vào mắt giới đồ cổ, muốn nhổ thì không dịp nào bằng dịp này.

Chẳng bao giờ tôi còn được gặp ông nữa.

Cũng chẳng bao giờ tôi còn mong đoàn tụ anh Sập, ôi người anh kết nghĩa! Chính mắt tôi phải thấy bọn Công Ty vật anh ra lóc thành từng miếng như làm thịt bò. Bốn chiếc chân, hai dải lườn, hai mảnh vai và tấm lưng, cả thấy là chín miếng. Mỗi miếng lại bị giấu kín trong một thứ đồ mỹ nghệ rẻ tiền, bọn ấy gọi nghe phát kinh là “quan tài”. Lườn và vai chui vào bốn hộp “đàn dân tộc” cực dài, niêm đai sắt chặt chẽ. Chân thì lọt thỏm trong bốn chiếc lọ, miệng phủ rơm. Còn tấm lưng, tấm lưng vĩ đại của anh Sập không vừa vào đâu được, thì bị ngụy trang bằng một lớp gỗ lát, trông như chiếc phản quê mùa. Mỗi ngày một miếng của anh vụng trộm ra đi. Chín ngày chín lần nàng Nậm Mây và tôi nói lời từ biệt. Chúng tôi chỉ biết thầm hy vọng, nếu chín chiếc quan

tài chở anh qua biên giới trót lọt, mong sao anh được một chuyên gia phẫu thuật ngoại quốc tài giỏi vá lại cho lành.

Còn lại tôi và nàng. Nàng yêu kiểu mỏng manh, nên được bày trước một giàn truyền thanh và một giàn truyền hình, làm phận sự trang trí nơi Công Ty tiếp khách. Hai gã đen sì này cực mô-đéc, nghĩa là coi thường mọi phép tắc, chỉ tuyệt đối tuân lệnh cái máy bé tí tẹo chi chút nút bấm điều khiển từ xa. Nàng Nậm Mây vừa cất tiếng chào rụt rè, thì nghe bên này một tiếng “rẹt”, bên kia một tiếng “xoẹt”, hẳn là kiểu đáp lễ hiện đại. Nàng bối rối, chưa biết xử sự thế nào cho phải, thì gã truyền thanh giật lên ùng ùng. Gã hát. Toàn tiếng ngoại quốc, sau này nàng được biết ấy là tiếng Anh. Lúc thì gã hát giọng nam, lúc lại hát giọng nữ, lúc nữa lại hát giọng tập thể, biến

hóa nhanh như phù thủy trong tiếng nhạc sập sinh. Sát tai nàng. Hàng tiếng đồng hồ không mỗi mồm khô cổ. Gã chỉ miễn cưỡng nghỉ để gã truyền hình bên kia có dịp bày tỏ, mà gã này một khi đã đến lượt thì không ai còn chen được vào. Ôi chao! Gã vừa trình bày vừa kèm ngay hình ảnh, như thể bao nhiêu người, vật và cảnh đã chứa sẵn trong bụng, cứ thế mà lôi ra. Nào là thời sự quốc tế quốc gia, nào là chuyện tình cảm riêng tư, nào là tai nạn xe cộ, nào là bí mật của vũ trụ, nào là bóng đá, bóng rổ, bóng mĩ, bóng bay, bóng ma... Không chuyện gì gã không kể tuần tuột. Đang kể vanh vách chuyện công an bắt gián điệp, bỗng tuân lệnh cái máy điều khiển bé tí tẹo, gã nháy phắt sang chuyện ngân hàng, rồi vụt một cái lại chuyển sang chuyện thi hoa hậu. Thật là mồm năm miệng mười. Ba trăm ba mươi tám năm sống ở đời, tôi chưa

từng gặp kẻ nào quái đản như vậy. Tất nhiên tôi biết thế nào là thời hiện đại, mấy chục năm qua tôi đâu có nhắm mắt trùm chăn, mà ngược lại, Di Lạc này vốn sẵn lòng tìm hiểu thời cuộc. Tôi đã nghe nói nhiều về thông tin, máy móc và kỹ thuật, nhưng nay được mục kích, mới thấy mình hình như vẫn thuộc trường phái bảo thủ! Nếu hai gã mô-đéc nọ là đại diện của tiến bộ, thì ác cảm của tôi với hai gã cho thấy tôi lạc hậu đứt đuôi con nòng nọc rồi!

Nhưng nàng Nậm Mây dường như không chia sẻ quan điểm của tôi. Nàng ở cạnh hai gã, một ngày, hai ngày, ba ngày, bốn ngày... Ngõ ngàng, hoang mang, tê liệt... Tôi đã tưởng nàng ngất hẳn, chẳng bao giờ tỉnh lại để khỏi phát điên. Sang ngày thứ năm, bỗng nàng tỏ một dấu hiệu đặc biệt. Gã truyền thanh đang nỉ

non một bài suốt suốt, toàn anh “love” em “love”, thì nàng, ôi, chính là nàng, bắt đầu đứng đưa theo điệu nhạc lên bờ xuống ruộng, và miệng hình như cũng mấp máy “love” anh “love” em! Chính là nàng! Mới hôm nào đây còn du dương ngân những bài dân ca tình tứ mà kín đáo của bốn trăm năm trước! Chẳng lẽ vì yêu nhạc mà nàng dẫn bước vào vào chốn mê loạn này ư?

Nhưng trời Phật ơi, xem kìa, bây giờ đến lượt gã truyền hình múa võ. Như thế cho riêng nàng. Và mắt nàng bèn tròn xoe, miệng nàng bèn há hốc. Thật bất chấp mỹ quan! Gã truyền hình cho ai đó rú lên thì nàng cũng rú lên. Ai đó giết ai đó thì nàng nhắm vội mắt, nhưng một phần nghìn tích tắc sau đó lại giương lên theo dõi. Thật không khác gì một con rối! Còn đâu cái tôn nghiêm tao nhã của

bạc nữ lưu trên bốn trăm tuổi! Còn đâu nàng tiên mây thấu hiểu lẽ phải tôi từng mến yêu! Lẽ nào, ôi, lẽ nào cái định kiến về phái nữ mà tôi đã chôn lại ngóc lên để thành một chân lý buồn? Tôi nào muốn thế. Nhưng nàng Nậm Mây bây giờ đâu cần biết tôi muốn gì. Mà bản thân mình muốn gì chắc nàng cũng không có thời gian phân tích. Vì gã kia cứ liên tục rót vào nàng hết ý muốn này đến ý muốn khác. Xem kìa, nàng đang khoái kẹo cao su! Nàng leo lẻo lặp lại lời gã quảng cáo: “Tập thể dục thì tốt cho sức khỏe bạn. Nhưng còn khuôn mặt, khuôn mặt thì tập như thế nào nhỉ? Hãy dùng chewing-gum! Ngày hai lần! Để tập cho khuôn mặt bạn!”

Thật đại dột lắm! Nàng có hiểu rằng chỉ một thanh chewing-gum vo viên rơi xuống là cái cần cổ mảnh dẻ của nàng

tắc nghẽn hay không? Kìa, hình như nàng lại đổi ý, thích dùng xà bông! Theo lời gã kia là để “thân thể sạch sẽ, xã hội văn minh, đất nước phồn vinh, gia đình hạnh phúc”! Có thể lắm! Di Lặc tôi không khuyến khích ai ở bẩn. Nhưng cũng cứ “ngày hai lần” mà chà sát cục hóa chất đáng ngờ ấy thì bộ áo mây của nàng thành giẻ rách! Ôi! Tôi giận mình bất lực! Giúp nàng chẳng được, mà giúp mình lại càng không xong.

Số là, chính cái Công Ty An Táng Cổ Vật này, như linh cảm cho tôi hay, là Công Ty Mỹ Thuật đã tậu tấm thân tôi về một năm trước. Tôi chẳng dám đoán mạnh, nhưng hình như việc ông Tri Kỉ phải ra đi, với việc tôi lại cùng tôi sum họp, có một liên hệ ẩn khuất. Nhất định không phải là ngẫu nhiên. Ai đó hẳn đã tìm ra bí mật của chữ “TRƯỜNG”, hay ít

nhất đã ngửi thấy mùi kim cương trong chữ ấy. Bọn săn đồ cổ ma quái này nhất định thạo nghề hơn các nhân viên bảo tàng.

Một hôm, bọn Công Ty khuân ra chiếc hòm, tôi tưởng đến lượt mình vào áo quan, nhưng mở nắp thấy bên trong đã sẵn... một cái xác! Lúc nó ngồi dậy, tôi bàng hoàng nhận ra là cái xác không đầu của mình. Rành rành như đánh đống cột! Chiếc bụng ba ngón rưỡi, tấm áo hai nếp bên tả hai nếp bên hữu nằm nếp sau lưng, và lớp sơn rạn chân muỗi. Đúng là tấm thân tượng đã mất tích của tôi rồi! Một năm trời chia hai, bây giờ của Di Lạc lại về Di Lạc!

Nhưng công cuộc tái thống nhất một cơ thể thật không đơn giản. Bạn chớ tưởng cứ xiết lại chiếc mộng gỗ, cho đầu liền vào cổ, là đầu hoàn đầy như xưa. Da

thịt có thể liền vào thịt da, vì nghe nói y học hiện đại khâu vá tài tình lắm! Nhưng tôi là gỗ cây xoan đục, khinh thường mỗi một, song nhạy cảm khủng khiếp với tính khí của môi trường. Thuở chưa có bê tông, vợ chồng mới cưới nhau ứng dùng gỗ ấy dựng cột cất nhà, như dựng cái đài khí tượng đo thời tiết trong gia đình vậy. Nhà yên thì cột đẹp. Vợ chồng chẳng hòa hợp thì cột không nứt cũng nổi mụn cóc, trông cột là biết gia đạo thế nào.

Mới gặp lại nhau, tôi thật không tiện tra hỏi tấm thân mình, nhưng một năm qua nó sa vào môi trường nào mà giờ đây thành kẻ lạ? Nó có vẻ lạnh lùng mà cứng rắn, khiến tôi suýt quên mình là Phật cười Di Lặc, định khép miệng làm nghiêm. Từ bên trên, tôi kín đáo quan sát chiếc bụng. Bề ngoài nó không

khác, vẫn vĩ đại như bao giờ. Nhưng tôi ngờ bên trong là một cảnh tượng khác. Tiếc rằng xưa nay người ta không tự đi guốc trong bụng mình để biết đầu của tai nheo thế nào, thậm chí tôi chẳng biết những bản khoán trong đầu mình có lan xuống bụng, hay giữa đôi bên có một giới tuyến chia cắt? Tình trạng mờ mịt về chính mình này thật khủng khiếp. Thêm vào đó, thỉnh thoảng chiếc mộng gỗ mới thay chiếc cũ đã gãy lại kêu răng rắc. Như thể nó sắp nát vụn vì áp lực giữa một tấm thân lạnh lùng dửng dưng và một cái đầu muốn nổ tung vì những câu hỏi không lời đáp. Chiếc mộng này làm bằng gỗ mít, là thứ gỗ phổ biến để đẽo tượng, để riêng ra thì nhiều ưu điểm, nhưng bỏ chung với gỗ xoan đục khác nào trộn nước mắm vào mật ong vậy! Lẽ ra làm phạn sự hàn gấm và hòa giải thì chiếc mộng trái khoáy ấy lại gây

thêm hiểm khích nội bộ giữa đầu và thân tôi. Đầu ngồi trên vai mà như ngồi trên băng giá. Thân lù lù đó mà có cũng như không! Và buồn nhất là trái tim, ôi, trái tim từng vang lên mạnh hơn tiếng chày giã gạo ngày nào, giờ đây chỉ là tiếng đập đều đều tẻ nhạt, tíc tắc tíc tắc, chẳng hơn một chiếc đồng hồ vô hồn.

Lẽ nào tôi và nàng kết thúc cuộc đời, kết thúc tình bạn, kết thúc mọi hy vọng ở đây, trong vòng ma thuật của một công ty mỹ thuật? Tôi với một thân xác xa lạ. Nàng với một tâm hồn xa lạ.

9

BÍ MẬT CỦA CHỮ “TRƯƠNG”

Một đêm kia, gã truyền thanh ngáy ro ro và gã truyền hình ngủ mê, mở ngoặc là tôi tạm dẹp từ bi mà chúc gã một cơn ác mộng hiện đại với vài pha chập điện, đóng ngoặc. Và nàng Nậm Mây cũng đã chợp mắt. Nàng như thể đã thành một nô tỳ ngoan ngoãn, theo hai ông chủ là hai cái máy đen sì kia mà đi ngủ hay thức dậy mỗi ngày. Còn một mình tôi. Tôi cứ chờ vô vọng một lần nàng mộng du, đến bên tôi, dù tôi chẳng

biết làm gì hơn ngoài gọi lại kỷ niệm của một năm hạnh phúc. Tôi cứ chong mắt vào bóng tối mà thầm so, đêm đen hơn hay những ngày này và những ngày sắp tới?

Khách muôn đêm ấy nào phải ai xa lạ, chính là “nghệ nhân”! Vẫn cặp mắt nuốt tươi thiên hạ, vẫn là sứ giả của tin chẳng lành. Có những kẻ chuyên làm tiền trạm cho tai họa như vậy! Tay chủ công ty hỏi:

– Ông lặn đâu mà kỹ thế? Tôi đã định mai ngày kia cho con Di Lặc bay, chờ ông vác mặt đến thì hàng của tôi thành cút khô cả rồi.

“Nghệ nhân” đáp:

– Xin báo cáo với chiến hữu, chuyến này cút càng khô thì đời anh em mình

càng tươi đấy ạ. Thừa với ông anh, tình hình là thế này.

Giọng điệu của hai tay “chiến hữu” này cũng lại thô lậu ghê gớm. Cú này chúng buôn lớn. Khách hàng là một công ty ngoại quốc đang mong thắng thầu một khu giải trí sang trọng, trị giá cả trăm triệu Mỹ kim ở Việt Nam. Họ sẵn lòng chi vài trăm ngàn cho một món quà với phía chủ nhà, gọi là chút lễ mọn. Còn gì xứng đáng hơn một pho Di Lạc của thiên tài họ Trương, tác giả pho Quan Âm nghìn mắt nghìn tay lừng danh của chùa Bút Tháp?

Chiếc mộng gỗ mít nổi đầu với thân tôi lại lên cơn, kêu kèn kẹt. Nhưng lần này có lẽ vì luồng hơi nóng từ bụng tôi ủa ngược lên, choán ngợp đầu tôi. Ôi! Té ra cậu cả Bụng chưa hẳn thành người đứng như tôi tưởng. Cậu vẫn chưa từ bỏ

chức năng làm tổng kho cấp phát tình cảm cho toàn bộ cơ thể vừa tái hồi phục là tôi. Cậu sồi, trong chùng mực gỗ có thể sồi. Tôi vội vã đánh một tín hiệu từ đầu xuống, là tôi hoàn toàn đồng ý với cơn giận của cậu. Bí mật của chữ TRƯỞNG mấy trăm năm cất giấu, ai ngờ lại rơi vào tay gã vô lại, dám bán cả trời này. Tiểu sử của Di Lặc tôi thực ra như sau:

Thuở ấy Phật giáo lại hưng thịnh, chùa chiền dựng khắp, các nghệ nhân điêu khắc được dịp đua tài. Nhưng Trương tiên sinh tài hơn đời mà tính cũng khác người. Ông chán ngấy những pho Tam Thế nghiêm nghị, xin mở ngoặc là, chính ông đề ra thành ngữ “nghiêm như tượng”, đóng ngoặc. Ông cũng chẳng thú gì những pho Bồ Tát rập khuôn, những pho Kim Cương đứng tiêu chuẩn và những pho Quan Âm ngự

la liệt mọi nơi. Nhân vật duy nhất kích thích trí tưởng tượng của ông chính là vị Phật cười, vị Phật duy nhất cho đến lúc ấy hầu như không vào nổi chùa nước Việt. Ông nhận làm tượng Quan Âm cho chùa Ninh Phúc, sau này gọi là chùa Bút Tháp, với một giao kèo đặc biệt: để được làm pho Di Lạc cười mà ông hằng ấp ủ. Quan Âm nghìn mắt nghìn tay thành một tác phẩm bất hủ, và trở trêu thay, ấy là cái rủi trong đời nghệ thuật của Trương tiên sinh. Ông chẳng còn thời gian cho vị Phật cười của ông nữa. Ngày lại ngày ông đục tượng các bà vương phi, các bà quận chúa giàu có và sùng đạo, rút cục thì tiền cúng của các bà có thể vô hạn, nhưng đời các bà không như kéo kéo mà đánh dài ra vô cùng. Ai nữ để các bà xếp hàng sau Di Lạc? Hơn hai năm sau, họ Trương mới tranh thủ lúc rảnh, hoàn thành phác thảo mi-ni cho

pho Phật cười. Là tôi. Song chẳng bao giờ ông còn cơ hội phóng tôi lên tầm mười thước như dự định nữa. Một công chúa nổi danh thời đó cho rằng tôi phạm tục quá, bụng phưỡn như vừa đánh chén cả mười đám cỗ, miệng cười vô lối đến mang tai, đặt cạnh Quan Âm trong chùa, và nhất là đặt cạnh tượng các bà các cô thì thật thiếu phép tắc! Thương thay họ Trương tài giàu mà thế mọn! Ông bỏ làng, mang tôi đi, cho đến khi ông lìa đời trong nghèo hèn và cô đơn, còn tôi mang dưới đáy chữ “TRƯỞNG” một mình tha phương, lần lượt qua tay thiên hạ. Hơn trăm năm sau mới lại xuất hiện một Di Lạc nữa, song vị này trông chẳng có gì “phạm tục”, miệng cười xinh xinh, bụng sung mãn trong giới hạn cho phép, một mẫu mực của thỏa hiệp thành công. Tôi đành lảng lảng mà giữ trọn bí mật của chữ “TRƯỞNG”, giữ một ước mơ chẳng

thành, kỷ vật của một đời nghệ sĩ sinh nhâm thời đại.

Dị bản của “nghệ nhân” đương nhiên dựa theo chuyện thực, song thay vì cái bi kịch nghệ thuật đấng ngất kia, gã dựng nên một thiên tình sử ly kỳ, gài trong một màn thâm cung bí sử: Mẫu hậu của công chúa nọ vốn là vợ một vị trong hoàng tộc, vị này làm phản bị nhốt ngục, cha bà lấy thế lực nhà chúa, ép con gái lấy vua. Thấy duyên thừa của mình không ra gì, bà đâm ra đang tay ngăn lòng yêu của công chúa với kẻ nghệ sĩ, đổ cho họ Trương tội sàm sỡ, mượn danh tín ngưỡng mà truyền bá lạc thú trần tục cáu dỡ, vân vân và vân vân. Tay “nghệ nhân” còn nảy ra sáng kiến thuê văn sĩ viết một cuốn tiểu thuyết về lai lịch kỳ diệu của tôi. Cứ theo đó thì trước khi bị đày đi biệt xứ, họ Trương len trao tôi

cho công chúa. Công chúa lại nhờ một bà hoàng người Hòa Lan giữ hộ, rồi khi người Hòa Lan thất sủng, bà này đem luôn tôi về châu Âu. Và chỉ vì tha thiết với văn hóa Việt mà ngài Adam của công ty ngoại quốc nọ mới tìm ra manh mối lịch sử, để bây giờ có dịp trả tài sản nước Việt về cho nước Việt, gọi là chút lễ mọn bày tỏ lòng thành!

Vậy là từ nay tôi phải làm quen với tiểu sử mới của mình, so với nó thì các kiểu lý lịch từ trước tới nay của tôi chỉ là chuyện vặt. Riêng tên những thành phố ở cái xứ gọi là châu Âu mà tôi phải lưu lạc trong tiểu thuyết ấy nghe đã lạ hoắc. Mà tôi đâu khoái đời giang hồ! Nếu được thì tôi xin cử đám Bát Tràng giả cổ mơ đi Tây, hay hai cô Khang Hy rởm lãnh hộ cái tiểu sử rởm trong cuốn tiểu thuyết rởm phục vụ cho cú áp-phe thú thiệt này.

Không rõ các nhân vật tiểu thuyết thành bất tử như thế nào, tôi đây chỉ thấy mình sắp tiêu đời trong mớ hư cấu sặc mùi con buôn mà tay “nghệ nhân” thành kính gọi là “ma-kết-tinh» ấy. Ma lại kết thành tinh thì đáng gờm thật! Tôi vốn bị bán đồng nát, được hóa phép thành siêu bảo vật, còn dám kêu ca gì! Vả lại cái tiểu thuyết kia mà lên phim, vào tay gã truyền hình, chắc tôi trong điện ảnh hấp dẫn nàng Nậm Mây hơn tôi lù lù đây, rất thật và rất buồn, cách nàng vài sải tay mà như đã khuất xa ngàn dặm...

Tôi đang băng khuâng, hết đâm vào hư lại nhảy dù vào thực, chợt nghe tiếng đằng hắng. Rồi một giọng run rẩy cất lên, ôi, nghe mà thương đứt ruột: “Xin nhà Phật bảo trọng!”

Mọi bi kịch thật và bi kịch giả của đời tôi bỗng chốc tan biến: thế là nàng tiên mây lại là nàng tiên mây! Bây giờ dù có thế nào tôi cũng an lòng mà đón nhận!

10

RA ĐI

Nhưng đó là những lời cuối cùng của nàng. Rồi câm sẽ gói vào câm, lạng sẽ trùn lên lạng, vô ngôn sẽ là con thuyền lớn chở nàng và tôi.

Một sớm ban mai, sao còn tiếc trời và lò nấng hồng chưa quạt, con ve ve còn uống nốt giọt sương ngọt và con dơi chưa quá vội về nhà, nếu không phải ra đi thì tôi đã mô tả kỹ hơn nữa sớm ban

mai tuyệt đẹp đó, hoặc làm một bài thơ lỗi cổ, mở ngoặc là thi pháp cổ rất tốn thời gian, đóng ngoặc. Tôi ra đi trong một sọt lươn, nàng trong một sọt chạch. Bọn Công Ty gọi ấy là “quan tài tươi sống”, đắt giá hơn loại “quan tài” thường. Tôi đã trải qua cái họa ni lông, nên lần này vào một túi nhựa đen ngòm trước khi bị vùi xuống đáy sọt chẳng còn bờ ngõ. Còn nàng, nàng đã ngắt đi từ lúc tay “nghệ nhân” tiết lộ, rằng cùng với món quà Di Lặc, ngài Adam nọ còn hảo tâm biếu lại nước Việt chiếc nệm mây duy nhất của đích thân nghệ nhân danh tiếng họ Đặng, sau khi báu vật này bị người Trung Hoa cưỡng đoạt, giả mạo, và bán sang châu Âu. Chính ngài có được hai bản sao, tuy mang dấu Khang Hy nhưng chẳng ra gì so với nguyên bản của nghệ thuật gốm nước Việt. Nên ngài càng tha thiết với đất nước này...

Ôi, những đường đi nước bước của con người! Di Lạc tôi là Phật của tương lai mà thú thật, thấy thế gian rồi mù như vậy cũng bất giác hoài nghi, chẳng biết rồi đây mình lãnh sứ mệnh gì. Hay cũng phải nhờ người lăng-xê một vai trò nào đó thật oách may ra mới có chỗ đứng? Bây giờ tôi và nàng Nậm Mây bị ném ra khỏi nước Việt, luồn vụng trộm giữa lườn và chạch, để rồi như chiếc bu-mơ-rang quay trở về với tư cách quốc gia hảo hạng, thật là một biếm họa tồi tệ của vòng luân hồi!

Suốt đường đi, họ nhà lườn hát bài “Lườn ca”: thân lườn í a chẳng quản lăm đầu, nghe thật buồn thảm xúc động. Tôi lại càng cảm thương hình dung ra cảnh chậm nhất là mai mốt, từng cặp một của hai tạ lườn ấy sẽ nằm trên đĩa sấy tại một tiệm ăn đặc sản Thượng Hải, Đài Loan

hay Đại Hàn. Họ sẽ mang danh là một cặp rồng, châu mặt trời làm bằng trứng vịt hoặc củ cải đỏ. Đầu họ khi ấy sẽ hết lấm mà ròn tan và bóng lộn trong dầu vừng.

Một thím Lươn rất ư là mập mạp quần cổ tôi hai vòng, để hỏi tôi rằng, liệu kiếp sau của thím có được dễ thở hơn kiếp này, hay còn lấm than hơn nữa? Chà, chính tôi đây đang rất khó thở, vả lại Di Lặc này không thạo khoa bói toán chiêm tinh, và trong mấy chục ngàn trang kinh điển Phật giáo, theo chỗ tôi biết, chẳng có trang nào ghi một công thức cụ thể, rằng Lươn + Hóa Kiếp = Đầu Thai XYZ. Tôi bèn đáp:

– E hèm, thưa ma-đam, trước khi đi vào câu hỏi của bà, chúng ta nên cùng nhau nhắc lại một chút luật nhân quả, và trước khi nhắc lại luật nhân quả, tôi thiết

ngĩ, đảo qua lễ Sinh Diệt một lát cũng không thừa. Ô, chắc bà chưa quên rằng, mỗi ngày ta đổi thay, chết đi sống lại liên tục tới 6.400.099.980 lần, nói cách khác là trên cái vòng tròn bất tận của Sinh Tử, ta không thể đánh dấu rõ ràng những cái mốc của sống và chết, dù ta có sử dụng một cái bút kim ngòi thật mảnh chẳng nữa. Sống và chết, kiếp này nối vào kiếp kia, kín mít, không một chỗ hở. E hèm, trong lúc tôi nói đây thì bà đã qua ít ra là 5 triệu lần chết đi sống lại rồi.

Nhưng thím Lươn đã nhả cổ tôi mà lủi mất, xem ra kiên nhẫn không phải là phẩm chất nổi bật của họ nhà Lươn. Tôi thật chẳng có gì trách cứ đám bạn đồng hành, song thương thì thật thương mà nói phải tội, ở hoàn cảnh khác chắc tôi không nhất thiết muốn quan hệ trực tiếp đến thế với họ. Họ không có thói quen

ngồi yên một chỗ. Họ bò đi bò lại, len lỏi, rúc, lủi, sùi bọt nhớp, và tanh ối là tanh. Tôi dù thế nào cũng không cho phép mình, Di Lặc, phát điên. Nhưng không thể không rùng mình sờn gai ốc, mở ngoặc là, khi gỗ xoan đục nổi gai ốc thì tình hình đáng gọi là nguy kịch, đóng ngoặc. Sau này, không biết bao nhiêu lần, đang khỏe mạnh tôi bỗng lên cơn chóng mặt. Cả ngàn thân lươn lạnh lẽo trơn tuột từ ký ức khủng khiếp mà bò ra đùng đùng. Tám cái thức ở tôi, nghĩa là cái thức ở mắt, cái thức ở tai, cái thức ở mũi, cái thức ở lưỡi, cái thức ở thân, cái thức ở ý, cái thức ở ngã và cái thức ở tâm, xoắn vào nhau thành một mớ bùng nhùng. Những lúc như vậy thì, nam-mô, “ngộ” là một khái niệm xa xôi vô cùng, là ngoại ngữ hạng nặng cho một cái lưỡi đã đông lạnh âm mười tám độ. Nhưng may thay, chính trong cuộc hành trình này,

một lần nữa tôi lấy lại được lòng tin vào cậu cả Bụng. Hay nói như thế là không khiếm tổn với cậu, rất có thể là cậu lấy lại được lòng tin vào tôi? Hay cả câu hỏi “ai lại tin ai?” này cũng tự nó biến mất, khi đầu tôi với thân tôi dần dần lại là một? Bằng chứng là chiếc bụng khổng lồ của tôi thót lại, khi một anh Lươn giỏi trai, từ sau gáy tôi luồn qua tai bên trái, xuống cằm, quành lên qua tai phải tôi, có lẽ để rượt theo một chị Lươn đẹp gái. Và khi giữa biển cả lênh đênh, tôi thấy mình trong cơn say sóng lại giở tay áo rộng, lần đếm, dù đếm rất lẫn lộn, những giọt nước mắt buồn và mặn của người bạn thương mến, thì Di Lạc này biết là không gì có thể chia cắt con người mình nữa.

Vâng, tôi biết làm gì hơn ngoài âm thầm đọng nước mắt, dù đọng rất vãi, vào những giọt nước mắt trong vắt của

nàng tiên ấy! Trong chiếc sọt bên kia, nàng đã lại hoàn toàn hôn mê. Họ nhà chạch chẳng hát “Chạch ca”. Họ lằm lỳ giết thời gian, như thể đã đầu hàng cái tương lai không xa, là vào nỗi om nơi đất khách. Thế là lần thứ hai ra biển nàng lại chẳng thấy biển. Tôi lần đầu, cũng nào thấy gì dưới lớp nhựa tối bùng ngoài một khoảng đen ngòm dập dềnh. Biển chẳng xanh như trong quảng cáo của gã truyền hình, cũng chẳng lấp lánh màu xà cừ như chúng tôi đã thấy trên lưng anh Sập. Có lẽ với nàng, biển mãi mãi là hôn mê thăm thẳm. Với tôi là biển đen. Người ta bảo đất thuận với kẻ nhân ưa tĩnh, nước thuận với kẻ trí ưa động. Nếu tôi không nhầm thì hầu hết các đồng nghiệp của tôi năng tìm đường lên rừng núi hơn mò xuống đại dương. Mỗi khi đứng trước một dòng sông, chúng tôi quan tâm tới vấn đề “đáo bỉ ngạn”, dịch thuận sang

tiếng Việt là “vượt qua bờ bên kia”, hơn là lo nháy ùm xuống thăm thủy cung chốc lát và nhân tiện tắm mát. Hình như nước không phải là môi trường lý tưởng của nhà Phật, đường biển không nhất thiết trùng hợp với đường tu. Và tắm thân bằng gỗ của tôi đương nhiên thích chỗ khô, từ bé đến nay chưa bao giờ tôi nhúng chân xuống nước. Ô, nhưng giả sử con tàu chở thực phẩm xuất cảng này bỗng đắm, mong rằng Quan Âm Nam Hải không quá sốt sắng cứu giúp, để đám lươn được hóa rồng biển hơn làm rồng chiên ròn trên đĩa, để đám chạch hóa cá kình biển Đông hơn vào nồi om, và để tôi với nàng cho đại dương, dù là đại dương đen, dù tôi sợ tắm và dù mỗi lần ra biển nàng Nậm Mây đều ngất lịm, hơn về tay một bọn thô lậu. Nàng tiên mây sẽ thành nàng tiên cá. Còn tôi, nếu đỡ say sóng và sấm thêm bộ đồ lặn, có

thể làm tốt công việc của một thủy thần.

Nhưng có lẽ trong cuốn tiểu thuyết mà tay nghề nhân định thuê người viết không có chương tàu đắm. Cũng chẳng có một bóng hải tặc. Tôi lại không phải chuyên gia gây họa, mà trong mọi cách niệm Phật, chẳng có cách nào dùng được cho một tai nạn thích hợp lúc này. Chà, cuộc hành trình nửa thực nửa hư đây sẽ:

suôn như mỡ vào khuôn

sẻ như thịt chó ướp riêng mỡ

chống đối thì nghỉ khoẻ!

Đó là bài hài cú đầu tiên và duy nhất trong đời thi sĩ tài tử của tôi, Di Lặc này vốn không chuộng niêm luật chặt chẽ. Phải đếm đi đếm lại cho câu một vừa đủ năm chữ, câu hai bảy, câu ba lại là năm, thật là thêm một câu thúc vào hoàn

cảnh hiện tại đã rất bó buộc.

Nhưng có lẽ tôi đã quá sa đà trong chi tiết, mà cuộc đi này còn dài và bạn đọc cũng không muốn biết con tằm nó ăn lá cây dâu nào, mở ngoặc ngoài lề cho ai chưa rành tích ấy như sau:

Xưa có tay nhà giàu, thường mắng đày tớ không biết ăn nói cho có đầu đuôi tử tế. Một bữa hần ngồi chơi hút thuốc, đày tớ đứng hầu quạt một bên thưa rằng:

– Bẩm, có cây gọi là cây dâu, có con gọi là con tằm. Con tằm ăn lá cây dâu, nhả ra tơ. Người ta kéo tơ ấy, dệt ra lụa. Bà mua lụa ấy, may áo cho ông. Ông mặc áo ấy ngồi chơi hút thuốc. Bẩm, tàn thuốc rơi vào áo ông đang mặc ạ...

Lúc đó thì chiếc áo lụa của tay nhà giàu đã cháy hết nửa vạt.

Đóng ngoặc.

Vậy tôi xin tóm gọn: ở một bến cảng phương Bắc nào đó chúng tôi được lên bờ, rồi chui vào một công-tơ-nơ áo phong thù rỗng đi tàu hỏa, sau đó đi tàu bay trong túi xách tay, chặng cuối trong thùng xe hơi, chỉ thiếu điều đi hỏa tiễn là chúng tôi, hai kẻ lỗi thời, tốt nghiệp đủ các phương tiện giao thông hiện đại. Đi kiểu gì cũng không ra ngoài thế giới, tôi vốn biết vậy, tàu thủy thần tốc và tàu hỏa tốc hành và tàu bay siêu âm và xe hơi siêu chóng mặt có thể một phát cho ta nát kiếp, nhưng chẳng đưa ai từ cõi này sang cõi kia. Vậy mà giờ đây, mấy chục ngàn dặm xa quê hương, bụng thì đập dềnh sóng biển, đầu thì mịt mù mây bay, tim thì xinh xịch xinh xịch và toé lửa đường ray, và mùi xăng xe bủa vây như thuốc mê cháo lú, tôi phải tự nhủ, rằng

đây có thể là một thế giới khác, chưa từng được mô tả trong kinh sách Phật, nhưng tồn tại thật chứ không đơn giản là một ảo giác. Song có thể là một giấc mơ, tạm gọi là Giấc-Mơ-Vật-Hóa-Thế-Hệ-X, để không dám sánh với Giấc-Mơ-Bướm nổi tiếng của người xưa, là Trang Châu bên Tàu. Ông này chiêm bao thấy mình hóa bướm, vui phận làm bướm, không còn biết có Châu nữa. Tỉnh dậy lại thấy mình là Châu, rồi không biết Châu mơ làm bướm, hay bướm mơ làm Châu, gọi đó là Vật Hóa vậy.

11

PHƯƠNG TÂY

Cỗ ở mới của chúng tôi là một ngôi nhà. Nhà Tây. “Ăn cơm Tàu, lấy vợ Nhật, ở nhà Tây” theo tục ngữ Việt là ba cái sướng ở đời. Tôi đây vốn tôn trọng lạc thú của con người, tuy bản thân không có ý thử nghiệm cho kỳ biết thế nào là sướng. Cái sướng của ẩm thực không quan trọng với một pho tượng. Cái sướng của hôn nhân với tôi khác nào một kẻ ở rừng không thể chia sẻ niềm vui trồng cây cảnh của một kẻ

thị thành. Nay bỗng được nếm cái sướng cuối cùng, của việc “ở nhà Tây”, vậy xin nói ngay, sướng với khổ quả nhiên là một cặp bài trùng, hay nói theo kiểu phương Tây, là hai mặt của một tấm меđាយ vậy.

Ngôi nhà này làm tôi hãi, đơn giản vì nó rộng bao la và trống vắng, từ bức tường bên này sang bức tường bên kia là một cõi im lặng mênh mông. Tôi không qua hết mọi phòng, nhưng ước chừng phải mất nửa ngày mới vượt qua được chặng đường ấy. Cứ sáng sớm có một bà da đen tới, mở ngoặc, ái chà chà, thế gian quả là muôn màu, thật là đi một ngày đàng học một sàng khôn, đóng ngoặc. Bà luôn đi cùng một nhà máy lặn trên bốn bánh, với vô vàn dây, ống, vòi, bình xịt và nút bấm, có nhiệm vụ đuổi đến hạt bụi cuối cùng khỏi mọi ngóc ngách và đồ vật

trong nhà. Quá trưa bà mới đi hết tua, nghĩa là tôi đoán không sai, cái sướng ở nhà Tây hẳn là cái sướng đi mỗi cảng ngay trong nhà mình vậy. Để so sánh xin bạn đọc nhớ lại cảnh chen chúc trong bảo tàng, ở nhà tay buôn đồ cổ, hay cảnh chung đụng trên ban thờ ở nhà tên trộm. Tôi từ bé quen ở chật, cả người lẫn vật mấy chục mạng chung nhau một thước vuông, nhà nào cũng mở toang cửa ra đường, chẳng ai có cho riêng mình một khoảnh bất khả xâm phạm. Nay rơi vào một không gian cá nhân vĩ đại và khép kín, hoàn toàn yên tĩnh, chà, không một tiếng giã gạo từ nhà bên. Té ra Tây với Đông, khác nhau sâu xa thế nào hẳn có người uyên thâm hơn tôi hiểu rõ, tôi trước hết thấy cái mật độ sống ở mỗi xứ là một tiêu chuẩn quan trọng: cảm giác khi khuỷu tay mình luôn chạm vào khuỷu tay người bên cạnh hẳn phải khác cảm

giác khi chỉ có mình chạm vào mình mà thôi. Ngoài bà da đen, vài ba ngày tôi mới thoáng thấy mặt một ông da trắng, có lẽ là ông Adam, có lẽ là ông chủ. Nếu ông ta định xây một khu giải trí ở quê hương tôi, với những ngôi nhà kiểu Tây như thế này, chắc không lâu ông ta sẽ phá sản.

Hàng xóm gần tôi nhất, nghĩa là cách vài ba mét, là một pho tượng cẩm thạch: một thanh niên... gần như hoàn toàn khỏa thân, dang tay trên một thứ khí cụ hình chữ thập! Phải mất một thời gian, tôi mới đồ rằng, ấy hẳn là Jesus Christus. Tôi đã nghe nói nhiều về vị Chúa cũng đầy lòng thương đời này, song bây giờ thấy ngài, tôi phải nhận rằng cảnh ngài bị đọa đày trên thánh giá có vẻ giống cảnh tra tấn tội nhân dưới âm phủ trong tín ngưỡng Phật giáo, hơn là hình thức đối xử thích hợp với bậc thần thánh. Tôi đây

vốn không quá chuộng việc mặc, nhưng cũng đủ áo xống tối thiểu để đứng giữa đời, trong khi vị Chúa này chỉ có một nhúm vải, che chẳng hết phần rất cần kín đáo của thân thể. Phương Tây quả là một cõi xa lạ! Song tôi đã có dịp làm khách, cũng nên bắt quen cho biết người biết ta. Tục ngữ Việt dạy rằng “nhập gia tùy tục”, nên tôi quyết định dùng tiếng Tây, đúng hơn là tiếng Tây bồi, vì tôi nào có học hành gì ở trường Tây nghiêm. Nhưng tôi hết sức ngạc nhiên thấy vị Chúa đó nói được một chút tiếng An Nam cổ. Phải rồi! Chính các cha cố Tây Dương một thuở đã hăng hái học tiếng Việt. Vị nổi tiếng nhất là Alexandre de Rhodes còn làm ra cuốn từ điển Việt-Bồ-La và mạnh dạn dùng mẫu tự la-tinh để ghi âm ngôn ngữ nước tôi, thứ ngôn ngữ tuyệt vời, bận rộn với lời nói ra tới mức chưa có thời gian chế riêng cho mình một hệ thống chữ

viết ứng ý. Tôi vội bày tỏ lòng cảm tạ vai trò của phía nhà Chúa trong lịch sử hình thành chữ quốc ngữ nước Việt. Ô, chắc ngài không hình dung nổi, bảng chữ cái giản dị ABC đã cho phép dân tộc tôi trả lại số chữ vay rất nặng lãi mà dùng mãi không nổi của người Trung Quốc như thế nào. Phần ngài cũng sẵn lòng giải thích cho tôi thông những lý do hản là rất đích đáng, khiến ngài phải chịu đau đớn trên thánh giá và “nhịn mặt” khủng khiếp như thế. Song câu chuyện lịch sử, văn hóa, và tôn giáo này quá phức tạp, mà hai chúng tôi đều không được tự do dùng thêm tay chân và nét mặt để bù vào vốn từ vựng tương đối hạn chế của mình. Chân tay ngài bị đóng đinh, chân tay tôi cũng không tự tiện vung ra được. Mặt ngài luôn sầu thảm, còn tôi, ôi, thật trái khoáy, là cái mặt mãi mãi cười rộng từ tai này sang tai kia!

Xế chút nữa, nghĩa là không dưới mười mấy mét, có một vị vô cùng đặc biệt. Vị này bằng đồng đen biếc và phát triển hoàn toàn ngược với tôi. Tôi bành trướng theo bề ngang, vị ấy có bao nhiêu trút hết vào bề dọc. Thật khó mà nhận ra vị ấy ở trần hay có y phục, vì toàn thân chỗ nào cũng giống chỗ nào. Hai cánh tay ngẫu nhiên ngoào,

ngược lép kẹp,

đầu bẹp,

chẳng một ly nào đẹp,

một thách đố lớn với cảm quan mỹ thuật của tôi. Nhưng càng ngắm vị ấy lênh khênh đứng lạng trên một tảng, ồ, cũng một vị Độc Cước, không hiểu sao tôi càng xúc động, vâng, tôi dám khẳng định rằng vóc dáng vi vút ấy có một cái gì rất

gần với Di Lạc tôi béo tròn trùng trục. Như thể tôi phải đi nửa vòng trái đất để gặp mình trong một kẻ lạ mặt, khác nòi, khác gu, và bất đồng ngôn ngữ. Vị lạ mặt đó nói một tràng tiếng gì chẳng rõ, tôi chỉ nghe lặp đi lặp lại “Gia-cô-mét-ti, Gia-cô-mét-ti”, khiến tôi tưởng ấy là câu chào thông dụng, như ở quê hương tôi người ta gặp nhau thì hỏi “Cơm chưa? Cơm chưa?” vậy. Mở ngoặc ngoài lề, mãi sau này, khi đã học thêm được nhiều sòng khôn nữa tôi mới được biết, vị ấy là một kiệt tác của nhà điêu khắc hiện đại Giacometti. Chà, hy vọng nào có mất gì, tôi đã thầm hy vọng ông nghệ sĩ Tây ấy là hiện thân nhiều kiếp sau của họ Trương ta, đóng ngoặc.

Còn nàng, nàng Nậm Mây nước Việt đời Mạc thì ngụ xa tí, ở bờ bên kia của cõi im lặng mênh mông. Tôi cố căng

mắt nhìn cũng chỉ thấy mơ hồ vài áng mây lam như sắp tan biến vào bờ vờ lả lẫm. Nhưng tôi biết nàng run, vì áo nàng không đủ ấm. Béo như tôi, giữ nhiệt tốt, mà còn cảm thấy lạnh, thì nàng tiên mỏng mảnh vừa tỉnh giấc hôn mê ấy sắp chết rét đến nơi. Hai kẻ nhiệt đới chúng tôi run trong xống áo, còn vị Chúa ở trần lại có phần đổ mồ hôi, và vị “Cơm chưa? Cơm chưa?” xem ra chẳng coi nhiệt độ là vấn đề lớn của nhân loại! Tôi lại còn phát hiện mình lên cơn khát. Khát cháy ruột. Cái khí hậu khô như ngói này có cơ hút cạn vốn liếng nhựa sống của tôi, pho tượng gỗ cả đời quen với độ ẩm chín mươi phần trăm. Ôi, tôi bỗng nhớ mùa nồm! Nhớ cồn cào! Ai bảo tiên Phật không nhớ nhà? Ai bảo nổi nhớ nhà thường chuyên vào cảnh đẹp? Mùa nồm quê tôi bùn lầy lép nhép, không khí đặc quánh bụi nước, chiếc bánh quy vừa

ra khỏi hộp, chưa vào đến miệng đã ỉu vặt, mùa nồm nồm mốc, ôi mùa nồm đã xa! – nơi đây tôi chưa đến nỗi phải dùng kem ẩm dưỡng da, là nhờ chất gỗ xoan đực vốn chăm luyện yoga, có thể tự điều tiết nhu cầu giải khát trong phạm vi cuối cùng cho phép. Nhưng chiếc mộng gỗ mít thì tàn phế hẳn. Bị bệnh tháo nước hành hạ, nó đã rúm lại, khiến đầu tôi ngồi chẳng lấy gì làm vững chắc trên thân tôi. Chỉ một lần tôi thử vươn cổ chừng năm phân nghìn ly đã nghe nó kêu oai oái, rồi nứt một tiếng ròn như bánh đa gãy.

Thế là một lần nữa chiếc cổ tôi lại giở chứng như thể đúng hẹn với số phận, để vài ngày sau tôi được cùng nàng Nậm Mây đi điều trị. Tôi phải thay xương cổ. Nàng phải hàn vết nứt 1,7583 phân. Hoàn cảnh thật không lãng mạn gì, và đồ cổ chúng tôi vốn sợ các xưởng

phục chế hơn người ta sợ bệnh viện. Mở ngoặc, tôi từng quen một anh Hạc, chân bên trái mất hai ngón nhưng đứng còn vững, đi phục chế về thì đổ kênh. Ấy là chưa kể những nắm giẻ bỏ quên trong bụng các cụ Độc Bình, những dung dịch sát trùng lẽ ra dành cho các vị da đồng lại đem nhúng vào các vị da sứ, gần đây nhất có vụ mấy chục vị tượng gỗ phủ sơn ở một ngôi chùa cổ bị đem ra cạo sạch như lợn cạo lông, để tân trang thành ra đồ rởm. Đóng ngoặc.

Nhưng dầu sao, tôi được điểm phúc chia sẻ bệnh cổ với nàng Nậm Mây. Hai đứa lạ lắm nơi xứ người, còn gì hơn là chung buồn, chung vui, chung mọi nỗi riêng, chung luôn bệnh tật. Nếu nàng cảm lạnh tôi sẽ ho húng hắng. Nếu nàng cảm hắt, tôi sẽ vui lòng quên sạch mọi ngôn ngữ trên đời. Ồ, im lặng là một

trong những đức hạnh lớn và hiếm hoi!
Tôi đã vốn ít lời thì cai nói cực dễ.

Đó sẽ là một im lặng thuần túy.
Không phải im-lặng-trước-khi-nói,
nghĩa là thôi chẳng nói. Không phải im-
lặng-sau-khi-nói, nghĩa là dứt lời.

Nàng còn có ai ngoài tôi, chỗ dựa
cuối cùng, người đồng hương, đồng đàn
ông, ồ, vâng, tôi sẽ có dịp chứng tỏ rằng
mình biết chăm chiều phụ nữ. Thậm chí
nếu nàng ngắt đi một lần nữa, tôi sẽ sục
vào tận cội bất tỉnh theo nàng. Lòng tôi
sao dịu dàng! Nếu công cuộc thương
mến cả thế gian đều dễ chịu như lòng
yêu một người bạn như thế này thì tuyệt
quá!

Chúng tôi tạm biệt vị “Cơm chưa?
Cơm chưa?” và vị Chúa. Họ bày tỏ lòng
cảm thông sâu sắc với cảnh lưu lạc của

hai khách phương xa. Vị “Cơm chưa? Cơm chưa?” ra dáng dăm chiêu suy tư, như muốn hết sức lưu ý chúng tôi về đời sống ở phương Tây hiện đại. Vị Chúa an ủi, rằng cuối cùng thì mọi nẻo đường đều ở trong tay Thượng Đế. Nàng Nậm Mây khẽ nghiêng mình thi lễ. Tôi thu xếp hết vốn liếng tiếng Tây bồi đáp rằng, nếu Tây phương có những nhân vật đáng kính như quý vị thì chúng tôi vô cùng hân hạnh được làm khách nơi này. Cú sốc văn hóa cho đến nay có lẽ cũng hay, như là tẩm quất cho tinh thần thêm sáng khoái vậy. Chúng tôi cũng rất mong hai vị có dịp ghé thăm quê hương tôi, chỉ hy vọng hai vị không quá đổ mồ hôi, vâng, nhiệt độ hình như là một trong những vấn đề lớn của nhân loại...

12

ĐOẠN KẾT BỎ NGỎ

Tại xưởng phục chế, cũng trong một ngôi nhà lớn với vô số hành lang dài hơn cả một dãy phố quê tôi, chúng tôi được biết bệnh mình thuộc loại nhẹ. Riêng ở khoa Đông Nam Á đã có mấy chục ca nghiêm trọng và hàng trăm ca tương đối gay cấn. Chà, té ra chúng tôi chỉ là hai hạt cát khá lành lặn trong bãi cát dạt từ Thái Bình Dương sang tận Tây Dương. Một lão Thuyền Xiêm bị thủng mạng sườn, ruột gan bày ra trông

rất khiếp. Một bác Mặt, tôi đoán là dân Miền, môi sứt gần hết, khiến nụ cười bội phần thảm thiết, chẳng còn huyền bí tí nào. Một anh Voi Sứ Ai Lao buồn bã ngấm chiếc đuôi đặt ngay ngăn cạnh chiếc vòi của mình, cả hai ở trong một tủ kính nhỏ, anh lại ở ngoài tủ kính. Nhưng anh chưa khổ bằng bà Lá Số Miến. Bà là một mảnh lá cọ thép vàng, châm chi chít những con số bí hiểm. Song tấm thân sẵn mỏng manh ấy đã tan nát lắm, một cái hắt xì hơi của người bên cạnh cũng đủ thổi tắt ánh sáng cuộc đời bà như không. Vậy mà bà Lá Số Miến còn lạc quan hơn cụ Đàn Thạch Cầm. Đá lâu mòn nên cụ còn thọ thêm nhiều thiên niên kỷ, chỉ có điều cụ cho rằng càng sống dai càng vô nghĩa, vì bốn trong mười sáu đốt sống của cụ, mở ngoặc là mười sáu miếng đá, đóng ngoặc, còn lạc đâu đó trong lòng đất Nam Đảo xa xôi. – đây người ta chỉ

hoài công an ủa cụ mà thôi, xếp thế nào thì mười hai đốt sống còn lại cũng không thể ngân vang trọn vẹn bài ca cuộc đời hùng tráng. Mỗi lần cụ lên tiếng là xung quanh chết lặng, bởi hợp âm đá gãy đổ, như một giao-hưởng-nấc bỏ dở, thật là một ca vô phương!

Phải, Sinh Lão Bệnh Tử là lẽ thường, song khi chưa thoát vòng trần ấy thì in ít bệnh nhất định dễ chịu hơn lắm bệnh. Nàng Nậm Mây và tôi chẳng lấy nỗi khổ của người bên cạnh xoa chỗ đau của mình, nhưng tại đây chúng tôi đỡ cô đơn và được thêm can đảm. Nàng vẫn im lặng. Tôi vẫn đọc thầm mọi ý nghĩ trên gương mặt thân thiết của nàng. Chưa bao giờ, kể cả một năm hạnh phúc ở nhà ông Tri Kỉ, tình bạn giữa chúng tôi đạt tới độ sâu lắng chín muồi mà nhẹ nhõm như thế. Như thế chúng tôi được hiện

nguyên hình, chỉ còn là chính mình, khi cởi nốt chiếc áo đẹp của ngôn ngữ.

Tôi đã chắc mẩm rằng nàng Nậm Mây được điều trị trước, vì nghe nói phương Tây có tục “lady first”, nôm na là tục nịnh đầm. Tôi sẽ đợi ngoài cửa phòng giải phẫu bốn chôn, sau đó sẽ ra sức tán thưởng, để nàng tin rằng, bây giờ nàng lại đẹp hơn xưa. Rằng vết nứt tuyệt diệu ở cổ nàng vẫn còn mờ mờ, càng đáng cho mắt ai tinh đời ngưỡng mộ...

Nhưng khoa Đông Nam Á hình như không có lệ ưu tiên phụ nữ. Tôi chia tay nàng, lên bàn bó cổ, còn nàng mỉm cười khích lệ, như nhủ rằng nhà Phật đừng sợ, đau một chút như muỗi cắn, sá gì! Chà, tôi thậm chí không cảm thấy muỗi cắn! Tôi lịm đi một giấc trong mùi hăng hắc của cái dung dịch mà người ta quét vào cổ tôi. Khi tỉnh ra thì mọi sự đã rồi:

đầu tôi ngồi thật chắc, xương cổ hết kêu răng rắc, chỉ có điều tôi không biết chiếc mộng mới của mình làm bằng chất gì. Phương Tây ưa những thể nghiệm tân kỳ, rất có thể bây giờ tôi mang trong mình một mảnh chất liệu từ Mặt Trăng hay Sao Hỏa. Với một vị Phật Vị Lai, thế cũng không hẳn là trái cựa...

Cổ đã lành, tôi vội tìm nàng. Ôi nàng Nậm Mây, mới đó người đây mà nay bật bóng. Còn nguyên là lão Thuyền Xiêm và bác Mặt Miên, là anh Voi Sứ Ai Lao và bà Lá Số Miến, là cụ Đàn Thạch Cầm không thôi lên tiếng. Còn nguyên là khoa Đông Nam Á lớn hơn một khu phố quê tôi. Riêng nàng ra đi không để lại một nhời, ôi, im lặng kiểu này là im lặng chết người, vô ngôn thỉnh thoảng nên làm một ngoại lệ lắm chứ! Bạn ở đâu hỡi bạn yêu quý? Thân gái dặm trường,

mà vũ khí của bạn chỉ là ngắt đi. Chúng ta còn định cùng nhau trở về, lẽ nào đi hai mà về một?

Phải, tôi chỉ là một lão tượng Phật, bằng gỗ, với một miếng xương cổ lấy từ Mặt Trăng hay Sao Hỏa. Nghĩa là cả chiếc cổ tể nhị ấy cũng không thể gây cho tôi thêm một lần gập hên. Còn ông Adam, có lẽ không còn thích tặng quà Việt cho nước Việt, có lẽ sợ phá sản, có muôn vạn lẽ khó dễ của trần thế này khiến ông nhượng phắt tôi cho một Phật tử.

Thế là nhiều năm nay tôi an phận thượng khách của một bà chủ giàu sang và vô cùng mộ đạo. Ngày trở về quê hương càng lùi xa. Người bạn năm xưa càng bật vô âm tín. Chút hy vọng còn lại gửi ở bạn đọc... Một ngày nào đó, chín giờ sáng, khi cô thư ký đã có nhã ý giúp tôi ghi lại câu chuyện dài dòng này đang

uống dở cốc cà phê thứ hai, chiếc điện thoại cầm tay bé bằng bao diêm của cô ấy sẽ reo. Cô ấy sẽ lắng nghe hồi lâu, rồi thốt lên rằng: “Vâng! Đúng là nàng!”. Có lẽ bạn đọc nhiệt tình ấy đang đi thăm phương Đông, hay du hành trên Mặt Trăng, hay lang thang trong một bảo tàng phương Tây, hay biết đâu đang đứng ngay tại tiệm đồ cổ ở phố bên cạnh... Tôi chỉ xin nói nốt cho thật chắc chắn về một điểm nhận dạng: có thể nàng Nậm Mây còn giữ nguyên vết nứt 1,7583 phân nơi cổ, nhưng cũng có thể bạn đọc phải thật tinh ý mới nhìn ra...

Berlin, tháng Bảy 1998

Nhà Xuất Bản Văn Nghệ

P.O. Box 2301

Westminster, CA 92683

10881 Oak St.

Stanton, CA 90680

Tel/ Fax (714) 527-5761

E-Mail: vannghe@pacbell.net

Homepage: [http://home.pacbell.net/
vannghe](http://home.pacbell.net/vannghe)



Phạm Thị Hoài

“Ồ, có gì đâu! Chuyện vậy thôi mà! Thưa bà, bà mới thật là người can đảm chịu đựng số phận. Nhân đây, cho tôi được tỏ lòng kính trọng. Phụ nữ không mấy ai được như vậy, đa phần tưởng trên đời chẳng ai khổ bằng mình, có cái bi kịch be bé xé mãi ra, thành hài kịch vậy.”

Lời Phạm Thị Hoài cho Lão tượng Phật Di Lặc nói với nàng Nậm Mây, ngẫu nhiên trùng hợp với lối viết của tác giả trong tác phẩm này. Từ những “bi kịch be bé” trong số phận một pho tượng, Phạm Thị Hoài viết thành một “hài kịch nhân sinh”; từ một chuyện tưởng là dành cho trẻ con mà thành chuyện người lớn, với tất cả cái thâm trầm nấp đằng sau một thứ ngôn ngữ điêu cợt tinh luyện.

Từ Thiên Sú, đến Man Nương, rồi Marie Sến đến Di Lặc và nàng Nậm Mây, mỗi lần Phạm Thị Hoài đưa ra một tác phẩm mới là mỗi lần bạn đọc kinh ngạc, khám phá một Phạm Thị Hoài khác, một bút pháp khác. Cái nhất quán trong toàn bộ văn nghiệp của Phạm Thị Hoài, có lẽ là sự trân trọng đối với chữ nghĩa, và mối quan tâm của nhà văn đối với mọi sắc thái của “hài kịch nhân sinh”.

